**Ngày soạn:20/10/2024**

**Ngày dạy: 26/10/2024**

**BÀI 3:**

**SỰ SỐNG THIÊNG LIÊNG (VĂN BẢN NGHỊ LUẬN)**

**Thời gian thực hiện**: **16 tiết**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Mức độ/ yêu cầu cần đạt:**

- Nhận diện và xác định được luận đề và luận điểm trong văn nghị luận

- Nhận biết và xác định được những bằng chứng khách quan và ý kiến, đánh giá chủ quan của người viết trong văn nghị luận.

- Xác định được bố cục của văn bản.

- Nhận diện và phân tích được những nét đặc sắc về nội dung và nghệ thuật được tác giả sử dụng trong văn bản.

- Xác định và phân tích được nghĩa của một số yếu tố Hán Việt thông dụng và nghĩa của những từ có yếu tố Hán Việt.

- Viết được một bài văn nghị luận về một vấn đề của đời sống.

**( QP & AN:**Tác hại của tệ nạn xã hội tác động đến mọi mặt của đời sống xã hội, trách nhiệm của học sinh tham gia phòng, chống bạo lực học đường)

- Trình bày được ý kiến của bản thân về một vấn đề xã hội.

**2. Năng lực**

**a. Năng lực chung**

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

**b. Năng lực riêng biệt**

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến đề bài;\

- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân;

- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận;

- Năng lực viết, tạo lập văn bản.

**3. Phẩm chất:**

- Giúp học sinh rèn luyện bản thân phát triển các phẩm chất tốt đẹp: Yêu thương, trân trọng con người và thiên nhiên…

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của giáo viên:**

- KHBD, SGV, máy tính, máy chiếu.

- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi;

- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp;

- Bảng kiểm đánh giá thái độ làm việc nhóm, rubic chấm bài viết, bài trình bày của HS.

**2. Chuẩn bị của học sinh:** SGK, SBT Ngữ văn 8, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**Ngày dạy 26,28/10/2024**

**NỘI DUNG 1: ĐỌC VĂN BẢN**

**TIẾT 28, 29, 30: TRI THỨC ĐỌC HIỂU: VBNL BẰNG CHỨNG VÀ ĐÁNH GIÁ CHỦ QUAN; LUẬN ĐỀ VÀ LUẬN ĐIỂM**

**VĂN BẢN 1: BỨC THƯ CỦA THỦ LĨNH DA ĐỎ**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Mức độ/ yêu cầu cần đạt:**

- Nhận diện và xác định được luận đề và luận điểm trong văn nghị luận

- Nhận biết và xác định được những bằng chứng khách quan và ý kiến, đánh giá chủ quan của người viết trong văn nghị luận.

- Xác định được bố cục của văn bản.

- Nhận diện và phân tích được những nét đặc sắc về nội dung và nghệ thuật được tác giả sử dụng trong văn bản.

**2. Năng lực**

**a. Năng lực chung**

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

**b. Năng lực riêng biệt**

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến đề bài;\

- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân;

- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận;

**3. Phẩm chất:**

- Giúp học sinh rèn luyện bản thân phát triển các phẩm chất tốt đẹp: Yêu thương, trân trọng con người và thiên nhiên…

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của giáo viên:**

- KHBD, SGK, máy tính.

- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi;

- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp;

- Bảng kiểm đánh giá thái độ làm việc nhóm, rubic chấm bài viết, bài trình bày của HS.

**2. Chuẩn bị của học sinh:** SGK, SBT Ngữ văn 8, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập học tập của mình từ đó khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

**b. Nội dung:** HS chia sẻ kinh nghiệm của bản thân.

**c. Sản phẩm:** Những suy nghĩ, chia sẻ của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**

- GV đặt câu hỏi phát vấn: *Em từng nghe, đọc hay đã thuộc những ca khúc, bài thơ nào viết về Trái Đất? Chúng đã gợi lên trong em ấn tượng, cảm xúc gì?*

**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

- HS chia sẻ cảm nghĩ

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

- GV mời một vài HS chia sẻ câu trả lời trước lớp, HS khác lắng nghe

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**

- GV nhận xét, khen ngợi những chia sẻ hay và thú vị của HS.

- Từ chia sẻ của HS, GV tổng kết lại ý kiến và gợi dẫn vào chủ đề bài học

**B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Hoạt động 1: Tìm hiểu tri thức ngữ văn**

**a.Mục tiêu:**

 - Xác định được khái niệm luận đề và luận điểm trong văn nghị luận

- Xác định được khái niệm bằng chứng khách quan và ý kiến, đánh giá chủ quan của người viết trong văn

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi liên quan đến phần *Tri thức Ngữ Văn.*

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức chung về nội dung phần *Tri thức Ngữ Văn.*

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Nhiệm vụ 1: Tìm hiểu khái niệm luận đề, luận điểm trong văn bản nghị luận****Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**- GV yêu cầu HS làm việc theo cặp đôi nhằm kích hoạt kiến thức nền về văn bản thông tin giải thích một hiện tượng tự nhiên*+ Phân biệt luận đề và luận điểm?***Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**- HS làm việc nhóm đôi để hoàn thành bài tập gợi dẫn. - HS nghe câu hỏi, đọc phần *Tri thức ngữ văn* và hoàn thành trả lời câu hỏi chắt lọc ý. **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận** - GV mời một vài nhóm HS trình bày kết quả trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe và nhận xét, góp ý, bổ sung.và mối liên hệ giữa các yếu tố này.**Bước 4: Đánh giá kết quả HS thực hiện nhiệm vụ học tập**- GV nhận xét, bổ sung, không cần giảng quá chi tiết và chốt lại kiến thức 🡺 Ghi lên bảng.**Nhiệm vụ 2: Tìm hiểu về bằng chứng khách quan và ý kiến, đánh giá chủ quan của người viết trong văn bản nghị luận****Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**- GV cho HS tiếp tục đọc thông tin trong mục *Tri thức Ngữ Văn* trong SGK (trang 55) **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**- HS ghi chép tóm lược nội dung kiến thức**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận**- GV mời một vài nhóm HS trình bày kết quả trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe và nhận xét, góp ý, bổ sung.**Bước 4: Đánh giá kết quả HS thực hiện nhiệm vụ học tập**- GV nhận xét, bổ sung, không cần giảng quá chi tiết và chốt lại kiến thức 🡺 Ghi lên bảng. | **I. Tri thức ngữ văn** **1. Luận đề và luận điểm trong văn nghị luận**- Luận đề: là vấn đề chính được nêu ra để bàn luận trong văn bản nghị luận.- Luận điểm: là những ý kiến thể hiện quan điểm của người viết về luận đề.Trong văn bản nghị luận, luận đề được thể hiện bằng luận điểm và làm sáng tỏ bằng lí lẽ, dẫn chứng.**2. Bằng chứng khách quan và ý kiến, đánh giá chủ quan của người viết trong văn nghị luận**- Bằng chứng khách quan là những thông tin khách quan, có thể kiểm chứng được trong thực tế.- Ý kiến đánh giá chủ quan: là những nhận định, suy nghĩ, phán đoán theo góc nhìn chủ quan của người viết, thường ít có cơ sở kiểm chứng. Do vậy, để giảm tính chủ quan trong đánh giá, giúp ý kiến trở nên đáng tin cậy, người viết cần đưa ra được các bằng chứng khách quan.- Có thể phân biệt hai khái niệm này dựa vào bảng sau:

|  |  |
| --- | --- |
| **Bằng chứng khách quan** | **Ý kiến, đánh giá chủ quan của người viết** |
| Là các thông tin khách quan như: số liệu, thời gian, nơi chốn, con người và sự kiện… | Là các ý kiến chủ quan như: quan điểm cá nhân về một vấn đề đang tranh cãi, dự đoán về tương lai, đánh giá chủ quan về sự việc, hiện tượng; có thể có được diễn đạt bằng các cụm từ như: tôi cho rằng, tôi thấy… hoặc các tính từ thể hiện sự đánh giá chủ quan. |
| Dựa trên những thí nghiệm, nghiên cứu, có nguồn đáng tin cậy, có thể xác định đúng, sai dựa vào thực tế. | Dựa trên cảm nhận, cách nhìn, diễn giải của cá nhân; không có cơ sở để kiểm chứng. |

 |

**Hoạt động 2:** **TRẢI NGHIỆM CÙNG VĂN BẢN**

**a. Mục tiêu:** Nắm được những thông tin về tác giả, tác phẩm *Bức thư của thủ lĩnh da đỏ*

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi liên quan đến thông tin tác giả, tác phẩm *Bức thư của thủ lĩnh da đỏ*

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS và kiến thức HS tiếp thu được liên quan đến tác giả, tác phẩm *Bức thư của thủ lĩnh da đỏ*

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ****Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ***- GV yêu cầu HS:* đọc và giới thiệu về tác giả *Xi-át-tô*và tác phẩm Bức thư của thủ lĩnh da đỏ*.**- GV hướng dẫn cách đọc.* GV đọc mẫu thành tiếng một đoạn đầu, sau đó HS thay nhau đọc thành tiếng toàn VB.- HS lắng nghe.**Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**- HS nghe và đặt câu hỏi liên quan đến bài học.**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**- HS trình bày sản phẩm thảo luận- GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**- GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức → Ghi lên bảng. | **II. TRẢI NGHIỆM CÙNG VĂN BẢN*****1. Tác giả***- Xi – át – tô là một thủ lĩnh người da đỏ.- Bức thư của thủ lĩnh Xi -át-tơn viết để trả lời Tổng thống thứ 14 của Mỹ Phreng – kiln Pi-ơ-xơ.***2. Tác phẩm*****a Xuất xứ:** Năm 1854, Tổng thống thứ 15 của nước Mĩ là Phreng -klin Pi-ơ-xơ tô ý muốn mua đất của người da đỏ. Thủ lĩnh Xi-át-tơn đã gửi bức thư này trả lời. Đây là bức thư rất nổi tiếng, từng được nhiều người xem là một trong những văn bản hay nhất về thiên nhiên và môi trường**b. Phương thức biểu đạt chính**: nghị luận **c. Bố cục**Tác phẩm được chia làm 3 phần:- Phần 1 (từ đầu đến "*cha ông chúng tôi*"): Những điều thiêng liêng trong kí ức người da đỏ.- Phần 2 (tiếp đến "*Đều có sự ràng buộc*"): Những lo âu của người da đỏ về đất đai môi trường sẽ bị tàn phá bởi người da trắng.- Phần 3 (còn lại): Kiến nghị của người da đỏ về việc bảo vệ môi trường, đất đai. |

**Hoạt động 3: SUY NGẪM VÀ PHẢN HỒI**

1. **Mục tiêu:**

- Nhận diện và phân tích được Bức thư của thủ lĩnh da đỏ xuất phát từ tinh yêu thiên nhiên, đất nước, con người đã nêu lên một vấn đề bức xúc có ý nghĩa to lớn đối với cuộc sống hiện nay: bảo vệ và gìn giữ sự trong sạch của thiên nhiên, môi trường.

- Nhận diện và phân tích được tác dụng của một số biện pháp tu từ, nhân hoá, điệp ngữ, đối lập.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi liên quan đến văn bản Bức thư của thủ lĩnh da đỏ

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS và kiến thức HS tiếp thu được liên quan đến văn bản

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Nhiệm vụ :Thảo luận nhóm đôi****Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**- GV yêu cầu HS dựa vào văn bản vừa đọc, trả lời câu hỏi: *+ Xác định hệ thống luận điểm, lí lẽ, bằng chứng của văn bản.**+ Em hiểu như thế nào về ý kiến: “Đất là Mẹ. Điều gì xảy ra với đất đai tức là xảy ra đối với những đứa con của Đất”? Tìm một số ví dụ từ thực tế để chứng minh cho cách hiểu của em.*- HS tiếp nhận nhiệm vụ.**Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**- HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi- HS trình bày sản phẩm.**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**- HS trình bày sản phẩm thảo luận- GV gọi HS nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**- GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức → Ghi lên bảng   | **III. SUY NGẪM VÀ PHẢN HỒI****1. Thái độ ứng xử của con người với thiên nhiên, đất đai, môi trường.**a. Người da đỏ:- Đất là thiêng, đất là bà mẹ.- Chúng tôi không thể nào quên được mảnh đất tươi đẹp này.- Chúng tôi là một phần tử của mẹ và mẹ cũng là một phần của chúng tôi.- Hoa là chị, là em ... vũng nước, mõm đá, chú ngựa con ... tất cả đều chung một gia đình.- Dòng sông, con suối là máu của tổ tiên, là anh em, ...- Tiếng thì thầm của dòng nước là tiếng nói của cha ông.- Không khí là quí giá...- Đất đai giàu có được là do nhiều mạng sống bồi đắp nên.- Đất là mẹ.=> Quan hệ gắn bó, biết ơn, hài hoà, thân yêu, thiêng liêng mà gần gũi ... như trong một gia đình, như với người anh, chị em ruột thịt, như với bà mẹ hiền minh, vĩ đại.- Thái độ tình cảm và cách ứng xử rất rõ ràng bởi đó là quan hệ của họ, là mảnh đất bao đời gắn với nòi giống và sâu trong nguồn cội là tinh yêu tha thiết, máu thịt của người da đỏ đối với đất nước, quê hương.- Cách nói nhắc đi nhắc, nhắc lại trùng điệp để nhấn mạnh, khắc sâu tạo ấn tượng.b. Người da trắng.- Muốn dùng tiền bạc, đô la để mua đất.- Khi chết, thường quên đi đất nước họ sinh ra.- Không hiểu cách sống của người da đỏ.- Kẻ xa lạ, trong đêm tối, họ lấy đi từ lòng đất những gì họ cần.- Kẻ thù, kẻ chinh phục, lấn tới.- Đối xử với đất và anh em bầu trời như những vật mua được, tước đoạt được và bán đi như những con cừu và những hạt kim cương.- Thèm khát ngấu nghiến đất đai, để lại đằng sau những bãi hoang mạc.- Xoá bỏ cuộc sông yên tĩnh, thanh khiết ...- Huỷ diệt muông thú quý hiếm ...=> Chủ yếu nhằm vào việc khai thác, tận dụng vì lợi nhuận tối đa, bất chấp hậu quả trước mắt hay lâu dài. Đó cũng là mặt trái của chủ nghĩa tư bản đế quốc Mĩ trong quá trình phát triển của nó.**2. Một bức thư về chuyện mua bán đất trở thành một bài văn hay bậc nhất về vấn đề bảo vệ tài nguyên và môi trường.**- Xuất phát điểm của bức thư là tình yêu, quê hương, đất nước.- Người ta không thấy người viết thư trả lời có bán hay không, lại càng không bàn về chuyện giá cả. Vấn đề được đặt ra chỉ như một giả thiết để t ạo đà, tạo thế cho việc trình bày quan điểm và bộc lộ tình cảm.- Tác giả không chỉ đề cập đến vấn đề về đất nước mà tất cả những hiện tượng có liên quan tới đất: Thiên nhiên, môi trường - vấn đề toàn trái đất đang quan tâm.- Phản đối sự huỷ hoại môi trường của người da trắng.- Xuất phát từ lòng yêu quê hương đát nước, bỗng trở thành một văn bản có giá trị hay nhất về vấn đề bảo vệ thiên nhiên và môi trường.**3. Nghệ thuật.**- Nghệ thuật đối lập (mục 1).- Nghệ thuật trùng điệp: nhắc đi, nhắc lại một cách có dụng ý các từ, ngữ, cấu trúc câu ...)=> Tác dụng:- Thể hiện được tình cảm gắn bó sâu nặng với quê hương, đất nước.- Phê phán, châm biếm lối sống và thái độ tình cảm của người da trắng.- Thái độ cương quyết, cứng rắn.- Lời văn nhịp nhàng, lôi cuốn thêm khí thế. |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học về văn bản *“Bức thư của người da đỏ”*

**b. Nội dung:** Sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành nhiệm vụ: *Sau khi học xong văn bản, đoạn văn nào để lại cho em ấn tượng mạnh nhất?Vì sao?*

**c. Sản phẩm học tập:** HS trình bày suy nghĩ

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**

***Sau khi học xong văn bản, đoạn văn nào để lại cho em ấn tượng mạnh nhất?Vì sao?***

**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

- HS trình bày trước lớp

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận**

- GV mời một số HS trình bày trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe, nhận xét, bổ sung.

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**

**- GV nhận xét, đánh giá**

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học về văn bản liên hệ trải nghiệm của bản thân

**b. Nội dung:** Sử dụng SGK, kiến thức đã học để Thực hiện yêu cầu: “[**Theo em, con người cần ứng xử như thế nào với tài nguyên thiên nhiên và sự sống của muôn loài? Trình bày ý kiến của em về vấn đề này bằng một đoạn văn khoảng một trăm năm mươi chữ.**](https://vietjack.com/soan-van-lop-8-ct/trinh-bay-y-kien-ve-van-de-con-nguoi-can-ung-xu.jsp)”

**c. Sản phẩm học tập:** Bài làm của học sinh

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1:** GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

“Theo em, con người cần ứng xử như thế nào với tài nguyên thiên nhiên và sự sống của muôn loài? Trình bày ý kiến của em về vấn đề này bằng một đoạn văn khoảng một trăm năm mươi chữ.”

**Bước 2:** HS thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS thực hiện viết

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận**

- GV mời một số HS trình bày trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe, nhận xét, bổ sung.

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**

- GV nhận xét, đánh giá

**IV. Hướng dẫn tự học:**

**1. Bài vừa học:** Ôn tập, nắm được nội dung văn bản.

**2. Bài sắp học:** **Văn bản 2: Thiên nhiên và hồn người lúc sang thu**

- Đọc văn bản và xác định phương thức biểu đạt.

- Nêu luận đề của văn bản và cơ sở xác định luận đề đó.

- Xác định hệ thống luận điểm, lí lẽ và bằng chứng của văn bản.

- Bằng chứng khách quan và ý kiến đánh giá chủ quan.

**IV. HỒ SƠ DẠY HỌC**

- Phiếu học tập:

**\* Phụ lục:**

Rubic đánh giá hoạt động thảo luận nhóm

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TIÊU CHÍ** | **CẦN CỐ GẮNG****(0 – 4 điểm)** | **TỐT****(5 – 7 điểm)** | **XUẤT SẮC****(8 – 10 điểm)** |
| **Hình thức****(2 điểm)** | **0 điểm** Bài làm còn sơ sài, trình bày cẩu thảSai lỗi chính tả  | **1 điểm**Bài làm tương đối đẩy đủ, chỉn chu Trình bày cẩn thận Không có lỗi chính tả  | **2 điểm** Bài làm tương đối đẩy đủ, chỉn chu Trình bày cẩn thận Không có lỗi chính tảCó sự sáng tạo |
| **Nội dung****(6 điểm)** | **1 - 3 điểm**Chưa trả lơi đúng câu hỏi trọng tâm Không trả lời đủ hết các câu hỏi gợi dẫn Nội dung sơ sài mới dừng lại ở mức độ biết và nhận diện  | **4 – 5 điểm** Trả lời tương đối đầy đủ các câu hỏi gợi dẫn Trả lời đúng trọng tâmCó ít nhất 1 – 2 ý mở rộng nâng cao  | **6 điểm**Trả lời tương đối đầy đủ các câu hỏi gợi dẫn Trả lời đúng trọng tâmCó nhiều hơn 2 ý mở rộng nâng caoCó sự sáng tạo  |
| **Hiệu quả nhóm****(2 điểm)** | **0 điểm** Các thành viên chưa gắn kết chặt chẽ Vẫn còn trên 2 thành viên không tham gia hoạt động  | **1 điểm** Hoạt động tương đối gắn kết, có tranh luận nhưng vẫn đi đến thông nhát Vẫn còn 1 thành viên không tham gia hoạt động  | **2 điểm** Hoạt động gắn kết Có sự đồng thuận và nhiều ý tưởng khác biệt, sáng tạo Toàn bộ thành viên đều tham gia hoạt động |
| **Điểm**  |  |  |  |
| **TỔNG**  |  |

**Ngày dạy:30/10/2024**

**TIẾT 31,32**

**VĂN BẢN 2: THIÊN NHIÊN VÀ HỒN NGƯỜI LÚC SANG THU**

 **(Vũ Nho)**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Mức độ/ yêu cầu cần đạt:**

- Xác định được luận đề và luận cứ của văn bản.

- Nhận diện và phân tích được bằng chứng khách quan và ý kiến đánh giá trong văn bản.

- Nhận biết và phân tích được các nét đặc sắc về nghệ thuật được tác giả sử dụng trong văn bản.

**2. Năng lực**

**a. Năng lực chung**

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

**b. Năng lực riêng biệt**

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến văn bản Thiên nhiên và hồn người lúc sang thu

- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân về văn bản Thiên nhiên và hồn người lúc sang thu

**3. Phẩm chất:**

- Yêu thiên nhiên

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của giáo viên:**

- KHBD, SGK

- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi;

- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp;

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà;

**2. Chuẩn bị của học sinh:** SGK, SBT Ngữ văn 8, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình từ đó HS khắc sâu kiến thức nội dung bài **Thiên nhiên và hồn người lúc sang thu**

**b. Nội dung:** GV cho HS ghi một vài cảm nhận khi đọc bài thơ Sang thu của Hữu Thỉnh

**c. Sản phẩm:** Chia sẻ của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**

- GV đặt câu hỏi: *“Em hãy ghi lại một vài cảm nhận sau khi đọc bài thơ Sang thu của nhà thơ Hữu Thỉnh trong chương trình ngữ văn 7”*

**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

- HS tham gia chia sẻ

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận**

- GV mời từng thành viên trong lớp chia sẻ

**Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập**

- GV nhận xét, khen ngợi HS.

- Từ chia sẻ của HS, GV dẫn dắt vào bài học mới

**B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Hoạt động 1: Trải nghiệm cùng văn bản**

**a. Mục tiêu:** Nắm được những thông tin về văn bản **Thiên nhiên và hồn người lúc sang thu**

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi liên quan đến thông tin văn bản

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS và kiến thức HS tiếp thu được liên quan đến văn bản

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ****Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ***- GV yêu cầu HS:*+ Xác định thể loại của văn bản.+ Xuất xứ của văn bản.*- GV hướng dẫn cách đọc.* GV đọc mẫu thành tiếng một đoạn đầu, sau đó HS thay nhau đọc thành tiếng toàn VB.- HS lắng nghe.**Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**- HS nghe và đặt câu hỏi liên quan đến bài học.**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**- HS trình bày sản phẩm thảo luận- GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**- GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức → Ghi lên bảng. | **I.** **Trải nghiệm cùng văn bản:**- Thể loại: Văn nghị luận- Văn bản *Thiên nhiên và hồn người lúc sang thu*được trích Đi giữa miền thơ của NXB Văn học, năm 1999. |

**Hoạt động 2: Suy ngẫm và phản hồi**

**a. Mục tiêu:**

- Xác định được luận đề và luận cứ của văn bản.

- Nhận diện và phân tích được bằng chứng khách quan và ý kiến đánh giá trong văn bản.

- Nhận biết và phân tích được các nét đặc sắc về nghệ thuật được tác giả sử dụng trong văn bản.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi liên quan đến văn bản

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS và kiến thức HS tiếp thu được liên quan đến văn bản

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **\* Nhiệm vụ 1:****Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**- GV yêu cầu HS dựa vào văn bản vừa đọc, trả lời câu hỏi: *+ Nêu luận đề của văn bản và cơ sở xác định luận đề đó.**+ Xác định hệ thống luận điểm, lí lẽ và bằng chứng của văn bản.*- HS tiếp nhận nhiệm vụ.**Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**- HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi- HS trình bày sản phẩm.**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**- HS trình bày sản phẩm thảo luận- GV gọi HS nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**- GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức → Ghi lên bảng **\* Nhiệm vụ 2****Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ****- GV đặt câu hỏi:**- GV yêu cầu HS thảo luận:*+ Tìm****câu văn thể hiện bằng chứng khách quan và ý kiến, đánh giá chủ quan của người viết trong văn bản.***- HS tiếp nhận nhiệm vụ.**Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**- HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi- HS trình bày sản phẩm.**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**- HS trình bày sản phẩm thảo luận- GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**- GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức → Ghi lên bảng**GV chốt lại kiến thức** | ***II. Suy ngẫm và phản hồi:******1. Hệ thống luận điểm, lí lẽ và dẫn chứng***- Luận đề: Cảm nhận về thiên nhiên và hồn người lúc sang thu.- Luận điểm 1: Cảm nhận của tác trong khổ thơ thứ nhất và thứ 2: Bức tranh thiên nhiên mùa thu được miêu tả bằng khứu giác, thị giác, xúc giác.+ Không phải là những nét đặc trưng của trời mây hay sắc vàng của hoa cúc mà bắt đầu là hương ổi – một chữ “phả” đủ gợi hương thơm sánh lại.+ Cảm nhận được “hương ổi”, đã nhận ra “gió se”, mắt lại nhìn thấy sương đang “chùng chình qua ngõ” .+ Thiên nhiên được quan sát rộng lớn hơn, nhiều tầng bậc hơn “sông dềnh dàng” và “chim vội vã”.- Luận điểm 2: Cảm nhận của tác giả về suy nghĩ, chiêm nghiệm của nhà thơ qua khổ thơ thứ 3.+ Cảm nhận, suy ngẫm về tâm trạng của tác giả khi nhìn cảnh vật trong những ngày đầu thu qua hình ảnh nắng, mưa, sấm.+ Cảm nhận và trả lời cho những chiêm nghiệm và sự từng trải của tác giả qua hình ảnh “Hàng cây đứng tuổi”: hình ảnh gợi cho người đọc nhiều liên tưởng như một đời người trưởng thành rồi già cỗi đi.***2. Bằng chứng khách quan và ý kiến chủ quan.***- Câu văn thể hiện bằng chứng khách quan của người viết là:    + Với các thi nhân, mùa thu lưu dấu của mình trong những vần thơ đượm một vẻ riêng trong trẻo.- Câu văn thể hiện ý kiến, đánh giá chủ quan của người viết là:Đến lượt mình, Hữu Thỉnh lại làm cho mùa thu có thêm hương sắc mới. |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học về văn bản Thiên nhiên và hồn người lúc sang thu

**b. Nội dung:** Sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành nhiệm vụ: hoàn thành câu hỏi 5 (trang 65 – SGK) vào vở

**c. Sản phẩm học tập:** Bài làm của học sinh

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**

Câu 5 (trang 65 sgk Ngữ văn lớp 8 Tập 1): Em có đồng ý với nhận định “Nhan đề Sang thu vừa bao trùm lại vừa thấm vào từng từ ngữ, cảnh vật” hay không? Vì sao?

**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

- HS trình bày trước lớp

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận**

- GV mời một số HS trình bày trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe, nhận xét, bổ sung.

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**

**- GV nhận xét, đánh giá**

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học về văn bản liên hệ với trải nghiệm của bản thân

**b. Nội dung:** Sử dụng SGK, kiến thức đã học viết đoạn văn khoảng 7 – 9 câu trình bày cảm nhận của em về vẻ đẹp thiên nhiên lúc giao mùa

**c. Sản phẩm học tập:** Phần trình bày của học sinh

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1:** GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

Viết đoạn văn khoảng 7 – 9 câu trình bày cảm nhận của em về vẻ đẹp thiên nhiên lúc giao mùa

**Bước 2:** HS thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS thực hiện viết bài

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận**

- GV mời một số HS trình bày trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe, nhận xét, bổ sung.

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**

- GV nhận xét, đánh giá

**IV. HƯỚNG DẪN TỰ HỌC**

**1. Bài vừa học:**

 Ôn tập, nắm được nội dung và nghệ thuật của văn bản

**2. Bài sắp học:**

\* Hướng dẫn HS tự học: **Bài ca côn sơn**

 Gợi ý: - Đọc văn bản.

 - Nhận diện thể loại, bố cục văn bản

 - Nắm cảnh trí côn sơn được thể hiện trong bài.

\* Đọc mở rộng theo thể loại: **Lối sống đơn giản- xu thế của thế kỉ XXI**

 - Xác định hệ thống luận điểm, lí lẽ và bằng chứng của văn bản.

 - Bằng chứng khách quan và ý kiến đánh giá chủ quan.

**V. HỒ SƠ DẠY HỌC**

- Phiếu học tập:

**\* Phụ lục:**

Rubic đánh giá hoạt động thảo luận nhóm

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TIÊU CHÍ** | **CẦN CỐ GẮNG****(0 – 4 điểm)** | **TỐT****(5 – 7 điểm)** | **XUẤT SẮC****(8 – 10 điểm)** |
| **Hình thức****(2 điểm)** | **0 điểm** Bài làm còn sơ sài, trình bày cẩu thảSai lỗi chính tả  | **1 điểm**Bài làm tương đối đẩy đủ, chỉn chu Trình bày cẩn thận Không có lỗi chính tả  | **2 điểm** Bài làm tương đối đẩy đủ, chỉn chu Trình bày cẩn thận Không có lỗi chính tảCó sự sáng tạo |
| **Nội dung****(6 điểm)** | **1 - 3 điểm**Chưa trả lơi đúng câu hỏi trọng tâm Không trả lời đủ hết các câu hỏi gợi dẫn Nội dung sơ sài mới dừng lại ở mức độ biết và nhận diện  | **4 – 5 điểm** Trả lời tương đối đầy đủ các câu hỏi gợi dẫn Trả lời đúng trọng tâmCó ít nhất 1 – 2 ý mở rộng nâng cao  | **6 điểm**Trả lời tương đối đầy đủ các câu hỏi gợi dẫn Trả lời đúng trọng tâmCó nhiều hơn 2 ý mở rộng nâng caoCó sự sáng tạo  |
| **Hiệu quả nhóm****(2 điểm)** | **0 điểm** Các thành viên chưa gắn kết chặt chẽ Vẫn còn trên 2 thành viên không tham gia hoạt động  | **1 điểm** Hoạt động tương đối gắn kết, có tranh luận nhưng vẫn đi đến thông nhát Vẫn còn 1 thành viên không tham gia hoạt động  | **2 điểm** Hoạt động gắn kết Có sự đồng thuận và nhiều ý tưởng khác biệt, sáng tạo Toàn bộ thành viên đều tham gia hoạt động |
| **Điểm**  |  |  |  |
| **TỔNG**  |  |

**\* Phiếu học tập**

**Ngày dạy: 9/11/2024**

**Tiết 33**

**ĐỌC MỞ RỘNG THEO THỂ LOẠI: LỐI SỐNG ĐƠN GIẢN – XU THẾ CỦA THẾ KỈ XXI**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Mức độ/ yêu cầu cần đạt:**

- Xác định được luận đề và luận cứ của văn bản.

- Nhận diện và phân tích được bằng chứng khách quan và ý kiến đánh giá trong văn bản.

- Nhận biết và phân tích được các nét đặc sắc về nghệ thuật được tác giả sử dụng trong văn bản.

**2. Năng lực**

**a. Năng lực chung**

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

**b. Năng lực riêng biệt**

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến văn bản

- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân

- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận về thành tựu nội dung, nghệ thuật, ý nghĩa văn bản

**3. Phẩm chất:**

 Giáo dục đức tính sống giản dị trong lời ăn tiếng nói hàng ngày.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của giáo viên:**

- Giáo án;

- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi;

- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp;

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà;

**2. Chuẩn bị của học sinh:** SGK, SBT Ngữ văn 8, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình từ đó HS khắc sâu kiến thức nội dung văn bản

**b. Nội dung:** Câu hỏi gợi mở

**c. Sản phẩm:** Phần trình bày của học sinh

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**

- GV đặt câu hỏi: Theo em lối sống đơn giản là gì? Em đã sống một lối sống đơn giản chưa?

**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

- HS tham gia chia sẻ cảm nhận

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận**

- GV mời từng thành viên trong lớp chia sẻ

**Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập**

- GV nhận xét, khen ngợi HS.

- Từ chia sẻ của HS, GV dẫn dắt vào bài học mới

**B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Hoạt động 1: TRẢI NGHIỆM CÙNG VĂN BẢN**

**a. Mục tiêu:** Nắm được những thông tin về văn bản

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi liên quan đến thông tin về văn bản

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS và kiến thức HS tiếp thu được liên quan đến văn bản

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ***- GV yêu cầu HS:*+ Xác định thể loại của văn bản.+ Xuất xứ của văn bản.*- GV hướng dẫn cách đọc.* GV đọc mẫu thành tiếng một đoạn đầu, sau đó HS thay nhau đọc thành tiếng toàn VB.- HS lắng nghe.**Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**- HS nghe và đặt câu hỏi liên quan đến bài học.**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**- HS trình bày sản phẩm thảo luận- GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**- GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức → Ghi lên bảng. | **I. TRẢI NGHIỆM CÙNG VĂN BẢN**- Thể loại: Văn nghị luận- Văn bản Lối sống đơn giản – xu thế của thế kỉ XXI được in trong Báo Văn nghệ, số Tết, năm 2002.  |

**Hoạt động 2: SUY NGẪM VÀ PHẢN HỒI**

**a.Mục tiêu:**

- Xác định được luận đề và luận cứ của văn bản.

- Nhận diện và phân tích được bằng chứng khách quan và ý kiến đánh giá trong văn bản.

- Nhận biết và phân tích được các nét đặc sắc về nghệ thuật được tác giả sử dụng trong văn bản.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi liên quan đến *văn bản*

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS và kiến thức HS tiếp thu được liên quan đến bài

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **\* Nhiệm vụ 1****Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**- GV yêu cầu HS dựa vào văn bản vừa đọc, trả lời câu hỏi: *+ Nêu luận đề của văn bản và cơ sở xác định luận đề đó.**+ Xác định hệ thống luận điểm, lí lẽ và bằng chứng của văn bản.*- HS tiếp nhận nhiệm vụ.**Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**- HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi- HS trình bày sản phẩm.**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**- HS trình bày sản phẩm thảo luận- GV gọi HS nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**- GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức → Ghi lên bảng**\* Nhiệm vụ 2****Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ****- GV đặt câu hỏi:**- GV yêu cầu HS thảo luận:*+ Tìm****câu văn thể hiện bằng chứng khách quan và ý kiến, đánh giá chủ quan của người viết trong văn bản.***- HS tiếp nhận nhiệm vụ.**Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**- HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi- HS trình bày sản phẩm.**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**- HS trình bày sản phẩm thảo luận- GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**- GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức → Ghi lên bảng**GV chốt lại kiến thức.****\* Nhiệm vụ 3****Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**- GV đặt câu hỏi:*+ Hãy rút ra nội dung và nghệ thuật văn bản.*- HS tiếp nhận nhiệm vụ.**Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**- HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi- HS trình bày sản phẩm.**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**- HS trình bày sản phẩm thảo luận- GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**- GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức → Ghi lên bảng- GV chuẩn kiến thức. | **II. SUY NGẪM VÀ PHẢN HỒI*****1. Hệ thống luận điểm, lí lẽ và dẫn chứng***- Luận đề: Lối sống đơn giản- Luận điểm 1: Sống đơn giản là gì?+ Sống đơn giản không đồng nghĩa với sống khổ hạnh và nghèo đói, mà là cuộc sống được lựa chọn sau quá trình nghiên cứu kĩ lưỡng.- Luận điểm 2: Lợi ích của việc sống đơn giản.+ Giúp chúng ta kiềm chế lòng tham, cân nhắc kĩ lưỡng các yêu cầu của bản thân.· Một căn nhà rộng rãi sẽ đem lại sự dễ chịu cho người ở….· Biến mình trở thành một con người nhàn nhã, bình yên và không hao phí thời gian vào những việc vô bổ.· Lối sống này được ông cha ta coi trọng từ thời xa xưa.***2. Bằng chứng khách quan và ý kiến chủ quan.***- Câu văn thể hiện bằng chứng khách quan của người viết trong đoạn thứ tư của văn bản là:“Có thể kể ra ở đây có rất nhiều danh nhân của đất Việt đã từng có cuộc sống như vậy: Nguyễn Trãi, Nguyễn Bỉnh Khiêm, Hồ Chí Minh…”- Câu văn thể hiện ý kiến, đánh giá chủ quan của văn bản là:Dựa vào nguyên tắc của cuộc sống đơn giản, tiêu chuẩn tối thiểu của cuộc sống này là: đáp ứng đầy đủ những nhu cầu thiết yếu như ăn, mặc, ở, đi lại.**III. Tổng kết**- Văn bản bàn về lối sống đơn giản và lợi ích mà lối sống đơn giản đem đến cho con người. |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học về văn bản

**b. Nội dung:** Sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành nhiệm vụ vẽ sơ đồ tư duy hệ thống luận đề, luận điểm, lí lẽ, bằng chứng trong văn bản

**c. Sản phẩm học tập:** Bài làm của học sinh

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập:**

**Vẽ sơ đồ tư duy hệ thống luận đề, luận điểm, lí lẽ, bằng chứng trong văn bản**

**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

- HS trình bày trước lớp

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận**

- GV mời một số HS trình bày trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe, nhận xét, bổ sung.

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**

**- GV nhận xét, đánh giá**

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học về văn bản, em hãy đưa ra một số ý kiến của em về cách hình thành thói quen sống giản dị ở xã hội hiện nay

**b. Nội dung:** Sử dụng SGK, kiến thức đã học để *bày tỏ ý kiến cá nhân*

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1:** GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

Em hãy đưa ra một số ý kiến của em về cách hình thành thói quen sống giản dị ở xã hội hiện nay

**Bước 2:** HS thực hiện nhiệm vụ học tập

HS suy nghĩ và trả lời câu hỏi

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận**

- GV mời một số HS trình bày trước lớp vào buổi học sau , yêu cầu cả lớp nghe, nhận xét, bổ sung.

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**

- GV nhận xét, đánh giá

**IV. Hướng dẫn tự học**

**1. Bài vừa học:** Ôn tập, nắm được các thông tin cơ bản trong văn bản

**2. Bài sắp học:** Ôn tập giữa kì I

- Ôn lại kiến thức đã học từ đầu năm đến nay cụ thể:

+ Thơ 6 chữ, 7 chữ, văn bản thông tin.

+ Nắm được từ tượng hình, từ tượng thanh và tác dụng. Xác định được đặc điểm của đoạn văn diễn dịch, quy nạp, song song, phối hợp.

- Viết đoạn văn biểu cảm, bài văn thông tin.

**IV. HỒ SƠ DẠY HỌC**

**\* Phụ lục:**

Rubic đánh giá hoạt động thảo luận nhóm

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TIÊU CHÍ** | **CẦN CỐ GẮNG****(0 – 4 điểm)** | **TỐT****(5 – 7 điểm)** | **XUẤT SẮC****(8 – 10 điểm)** |
| **Hình thức****(2 điểm)** | **0 điểm** Bài làm còn sơ sài, trình bày cẩu thảSai lỗi chính tả  | **1 điểm**Bài làm tương đối đẩy đủ, chỉn chu Trình bày cẩn thận Không có lỗi chính tả  | **2 điểm** Bài làm tương đối đẩy đủ, chỉn chu Trình bày cẩn thận Không có lỗi chính tảCó sự sáng tạo |
| **Nội dung****(6 điểm)** | **1 - 3 điểm**Chưa trả lơi đúng câu hỏi trọng tâm Không trả lời đủ hết các câu hỏi gợi dẫn Nội dung sơ sài mới dừng lại ở mức độ biết và nhận diện  | **4 – 5 điểm** Trả lời tương đối đầy đủ các câu hỏi gợi dẫn Trả lời đúng trọng tâmCó ít nhất 1 – 2 ý mở rộng nâng cao  | **6 điểm**Trả lời tương đối đầy đủ các câu hỏi gợi dẫn Trả lời đúng trọng tâmCó nhiều hơn 2 ý mở rộng nâng caoCó sự sáng tạo  |
| **Hiệu quả nhóm****(2 điểm)** | **0 điểm** Các thành viên chưa gắn kết chặt chẽ Vẫn còn trên 2 thành viên không tham gia hoạt động  | **1 điểm** Hoạt động tương đối gắn kết, có tranh luận nhưng vẫn đi đến thông nhát Vẫn còn 1 thành viên không tham gia hoạt động  | **2 điểm** Hoạt động gắn kết Có sự đồng thuận và nhiều ý tưởng khác biệt, sáng tạo Toàn bộ thành viên đều tham gia hoạt động |
| **Điểm**  |  |  |  |
| **TỔNG**  |  |

**Ngày dạy: 2/11/2024**

**Tiết 34**

**ÔN TẬP GIỮA KÌ I**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Mức độ/ yêu cầu cần đạt:**

- Hệ thống các kiến thức đã học, nội dung cơ bản, đặc trưng thể loại, hiểu được giá trị tư tưởng và nghệ thuật của từng văn bản.

- Một số kiến thức liên quan đến đọc - hiểu văn bản

- Kiến thức về TV

- Viết đoạn văn ghi lại cảm xúc về bài thơ và bài văn thuyết minh giải thích về hiện tượng tự nhiên.

**2. Năng lực:**

**a. Năng lực chung:**

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự học, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

**b. Năng lực riêng biệt:**

- Năng lực nhận diện các đặc điểm của các kiểu văn bản đã học, kĩ năng các kiểu bài viết.

- Ôn tập, củng cố các kiến thức đã học từ bài 1 đến bài 3

- Ôn tập nhận biết đặc điểm về thơ sáu chữ, thơ bảy chữ, văn bản thông tin, …

- Ôn tập nhận biết được từ tượng hình, từ tượng thanh và tác dụng. Xác định được đặc điểm của đoạn văn diễn dịch, quy nạp, song song, phối hợp.

- Có kĩ năng viết đoạn văn biểu cảm, bài văn thông tin.

**3. Phẩm chất:**

Chăm học, vận dụng vào thực tế bài làm tập làm văn.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của giáo viên:**

- Kế hoạch dạy học

- Học liệu: bảng phụ, tài liệu tham khảo, phiếu học tập.

 **2. Chuẩn bị của học sinh:** Đọc bài và trả lời các câu hỏi .

Phiếu học tập1:

|  |  |
| --- | --- |
| Thế nào là thơ sáu chữ bảy chữ? |  |
| Vần, bố cục |  |
| Cảm hứng chủ đạo  |  |

Phiếu học tập 2

|  |  |
| --- | --- |
| Thế nào là từ tượng hình, tượng thanh |  |
| Đoạn văn trình bày theo cách diễn dịch , quy nạp, song song, phối hợp |  |

Phiếu học tập 3

|  |  |
| --- | --- |
| Dàn ý chung viết đoạn văn nói lên cảm nghĩ về bài thơ tự do |  |
| Dàn ý chung viết bài văn thuyết minh về một hiện tượng tự nhiên |  |

 **III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

|  |
| --- |
| **HOẠT ĐỘNG 1: MỞ ĐẦU**  |
| **a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình.**b. Nội dung:** HS trả lời các câu hỏi ôn tập của bài 1,2 để củng cố các kĩ năng đã học.**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.**d. Tổ chức thực hiện:**  |
| **Giao nhiệm vụ học tập** | **Thực hiện nhiệm vụ học tập và báo cáo, thảo luận** | **Kết luận, nhận định** |
| Trả lời câu hỏiPHT (Thực hiện ở nhà). | **\* Thực hiện nhiệm vụ:** Cá nhân thực hiện nhiệm vụ (đã chuẩn bị ở nhà). **\* Báo cáo, thảo luận:**Tổ trưởng kiểm tra bài soạn của các bạn và báo cáo cho GV. | Nhận xét sự chuẩn bị của HS, dẫn dắt vào bài mới. |
| **HOẠT ĐỘNG 2: ÔN TẬP**  |
| **a. Mục tiêu:** HS nắm được nội dung, các kiến thưc của các văn bản đã học.**b. Nội dung:** GV trình bày vấn đề**c. Sản phẩm:** câu trả lời của HS.**d. Tổ chức thực hiện:** |
| **Giao nhiệm vụ học tập** | **Thực hiện nhiệm vụ học tập và báo cáo, thảo luận** | **Kết luận, nhận định** |
| **Giao nhiệm vụ :** HS thảo luận Phiếu học tập 1, 2 ( tiết 1)Phiếu học tập 3( tiết 2)GV yêu cầu HS hoàn thành bài tập theo PHT  | **\* Thực hiện nhiệm vụ:** Cá nhân thực hiện nhiệm vụ (đã chuẩn bị ở nhà). Vào lớp thảo luận theo nhóm**\* Báo cáo, thảo luận:**HS báo cáoHS khác nhận xét | Nhận xét sự chuẩn bị của HSChốt kiến thức |
| **NỘI DUNG ÔN TẬP MÔN NGỮ VĂN LỚP 8****I THỂ LOẠI:****1/*\* Thơ sáu chữ, bảy chữ****- Thơ sáu chữ là thể thơ mỗi dòng có sáu chữ.* *- Thơ bảy chữ là thể thơ mỗi dòng có bảy chữ.**- Mỗi bài có nhiều khổ, mỗi khổ thường có bốn dòng thơ và có cách gieo vần, ngắt nhịp đa dạng.****\* Vần:*** *Bên cạnh vần chân và vần lưng (đã học ở chương trình lớp 7), vần trong thơ còn được chia thành vần liền và vần cách ( thuộc vần chân ).**+ Vần liền là trường hợp tiếng cuối của hai dòng thơ liên tiếp vần với nhau.**+ Vần cách là trường hợp tiếng cuối ở hai dòng cách nhau vần với nhau.**\** ***Bố cục của bài thơ:*** *Là sự tổ chức, sắp xếp các phần, các đoạn thơ theo một trình tự nhất định. Việc xác định bố cục giúp người đọc có cái nhìn tổng quát, biết rõ bài thơ có mấy phần, vị trí và ranh giới từng phần trong bài thơ, từ đó có thể xác định được mạch cảm xúc của bài thơ.****\* Mạch cảm xúc của bài thơ:*** *Là sự tiếp nối, sự vận động của cảm xúc trong bài thơ.**\** ***Cảm hứng chủ đạo:*** *Là trạng thái tình cảm mãnh liệt, thường gắn với tư tưởng và đánh giá nhất định được thể hiện xuyên suốt tác phẩm, tác động đến cảm xúc của người đọc* *\** ***Vai trò của tưởng tượng trong tiếp nhận văn học:*** *Là sản phẩm của trí tưởng tượng, sáng tạo, được thể hiện bằng ngôn từ.**2/***/ Văn bản thông tin giải thích một hiện tượng tự nhiên**(1) Văn bản thông tin giải thích một hiện tượng tự nhiên được viết để lí giải nguyên nhân xuất hiện và cách thức diễn ra của một hiện tượng tự nhiên. Kiểu văn bản này thường xuất hiện trong các tài liệu khoa học với các dạng như: giải thích trình tự diễn ra các hiện tượng tự nhiên, giải thích nguyên nhân dẫn đến sự xuất hiện của hiện tượng tự nhiên, so sánh sự giống và khác nhau giữa các hiện tượng tự nhiên, giải thích cách tiếp cận và giải quyết một vấn đề trong thế giới tự nhiên.(2) Cấu trúc của văn bản giải thích một hiện tượng tự nhiên thường gồm các phần:- Phần mở đầu: Giới thiệu khái quát về hiện tượng hoặc quá trình xảy ra hiện tượng.- Phần nội dung: Giải thích nguyên nhân xuất hiện và cách thức diễn ra của hiện tượng tự nhiên. - Phần kết thúc (không bắt buộc): thưởng trình bày sự việc cuối của hiện tượng tự nhiên hoặc tóm tắt nội dung giải thích.(3) Cách sử dụng ngôn ngữ: thường sử dụng từ ngữ thuộc một chuyên ngành khoa học cụ thể (địa li, sinh học, thiên văn học...), động từ miêu tả hoạt động hoặc trạng thái (ví dụ: vỡ, phun trào, mọc, chuyển động, xoay....), từ ngữ miêu tả trình tự (bắt đầu, kể tiếp, tiếp theo,..).**II TIẾNG VIỆT:*****1. Từ tượng hình*** *là từ gợi tả hình ảnh, dáng vẻ của sự vật.****2. Từ tượng thanh*** *là từ mô phỏng âm thanh trong thực tế.**=> Từ tượng hình và từ tượng thanh mang giá trị biểu cảm cao, có tác dụng gợi tả hình ảnh, dáng vẻ, âm thanh một cách sinh động, cụ thể, thường được sử dụng trong các sáng tác văn chương và lời ăn tiếng nói hằng ngày.****3. Đặc điểm và chức năng của đoạn văn diễn dịch, quy nạp, song song, phối hợp:*** *-  Đoạn văn là đơn vị tạo nên văn bản, thường do nhiều cân tạo thành, bắt đầu từ chữ viết hoa lùi vào đầu dòng, kết thúc bằng dấu ngắt đoạn. Câu chủ đề trong đoạn văn mang nội dung khái quát, thường đứng đầu hoặc cuối đoạn.**+ Đoạn văn diễn dịch: là đoạn văn có câu chủ đề mang ý khái quát đứng đầu đoạn; các câu còn lại triển khai cụ thể ý của cây chủ đề, bổ sung, làm rõ cho câu chủ đề.**+ Đoạn văn quy nạp: là đoạn văn được trình bày đi từ các ý nhỏ đến ý lớn, từ các ý chi tiết đến ý khái quát. Theo cách trình bày này, câu chủ đề nằm ở vị trí cuối đoạn.**+ Đoạn văn song song là đoạn văn mà các câu triển khai nội dung song song nhau. Mỗi câu trong đoạn văn nêu một khía cạnh của chủ đề đoạn văn, làm rõ cho nội dung đoạn văn.**+ Đoạn văn phối hợp: là đoạn văn có câu chủ đề ở đầu đoạn và cuối đoạn.* **III LÀM VĂN** **1/Làm bài thơ 6 chữ, bảy chữ*****Một số điểm cần lưu ý khi làm một bài thơ:****- Thể hiện cách nhìn, cách cảm nhận … của người viết về một sự vật, hiện tượng trong cuộc sống.**- Sử dụng từ ngữ, hình ảnh phù hợp để thể hiện cách nhìn, cảm xúc của bản thân về cuộc sống.**- Sử dụng các biện pháp tu từ phù hợp để tạo nên những liên tưởng độc đáo, thú vị.**- Gieo vần, ngắt nhịp một cách hợp lý để làm tăng giá trị biểu đạt của ngôn từ.**- Đặt nhan đề phù hợp với nội dung văn bản.**- Đảm bảo đủ số chữ ở các dòng thơ theo yêu cầu của thể loại.****\* Quy trình viết gồm bốn bước:****- Bước 1: Trước khi viết****+ Đối tượng:*** *người đọc là những người quan tâm đến thơ ca. Đặc biệt là những bài thơ về cuộc sống.****+ Mục đích:*** *chia sẻ cảm xúc của mình về một sự vật, hiện tượng hoặc cuộc sống với người đọc.****+ Đề tài:*** *là một bài thơ 6 chữ hoặc 7 chữ thể hiện cảm xúc của em về một sự vật, hiện tượng của cuộc sống.**- Bước 2: Tìm ý tưởng cho bài thơ**- Bước 3: Làm thơ**- Bước 4: Chỉnh sửa và chia sẻ.***2/*Viết đoạn văn ghi lại cảm nghĩ về một bài thơ tự do:******\* Khái niệm:*** *Đoạn văn ghi lại cảm xúc về một bài thơ tự do là đoạn văn thể hiện cảm xúc, suy nghĩ của người đọc về một bài thơ tự do (thể thơ mà người viết không bị ràng buộc vào các quy tắc về số câu, số chữ, số dòng, cách gieo vần…khi sáng tác).****\* Yêu cầu đối với đoạn văn ghi lại cảm nghĩ về một bài thơ tự do:****- Trình bày cảm nghĩ của người viết về một bài thơ tự do**- Cấu trúc gồm có ba phần:**+ Mở đoạn: giới thiệu nhan đề, tác giả và cảm nghĩ chung của người viết về bài thơ bằng một câu (câu chủ đề).**+ Thân đoạn: trình bày cảm xúc, suy nghĩ của bản thân về nội dung và nghệ thuật của bài thơ; làm rõ cảm xúc, suy nghĩ bằng những hình ảnh, từ ngữ được trích từ bài thơ.**+ Kết đoạn: khẳng định lại cảm nghĩ về bài thơ và ý nghĩa của nó đối với người viết.**3/* ***Bài văn Thuyết minh giải thích một hiện tượng tự nhiên******Tìm hiểu tri thức và phân tích kiểu văn bản******1. Khái niệm:*** *Thuyết minh giải thích một hiện tượng tự nhiên thuộc kiểu văn bản thông tin, được viết để cung cấp thông tin cho người đọc về nguyên nhân xuất hiện và cách thức diễn ra của một hiện tượng tự nhiên.****2. Yêu cầu đối với kiểu văn bản:****- Giới thiệu khái quát hiện tượng tự nhiên cần giải thích.**- Giải thích nguyên nhân xuất hiện và cách thức diễn ra của hiện tượng tự nhiên.**- Trình bày thông tin theo một số kiểu cấu trúc như: trật tự thời gian, mức độ quan trọng của đối tượng, mối quan hệ nhân quả hoặc so sánh, đối chiếu.**- Có thể dùng thông tin chi tiết, đề mục và các dấu hiệu hình thức (in đậm, in nghiêng, số thứ tự…) để làm nổi bật thông tin quan trọng.**- Cấu trúc thường gồm ba phần:**+ Phần mở đầu: Giới thiệu khái quát về hiện tượng tự nhiên muốn giải thích.**+ Phần nội dung: giải thích nguyên nhân xuất hiện và cách thức diễn ra của hiện tượng tự nhiên.**+ Phần kết thúc: có thể trình bày sự việc cuối/ kết quả của hiện tượng tự nhiên hoặc tóm tắt nội dung giải thích.***Dàn ý thuyết minh giải thích một hiện tượng tự nhiên****1. Mở bài*** Nêu tên hiện tượng tự nhiên.
* Giới thiệu khái quát về hiện tượng tự nhiên.

**2. Thân bài*** Khái niệm của hiện tượng tự nhiên.
* Nguyên nhân, cơ chế hình thành hiện tượng tự nhiên.
* Lợi ích hoặc tác hại của hiện tượng tự nhiên.
* Liên hệ mở rộng về các vấn đề liên quan đến hiện tượng tự nhiên.

**3. Kết bài**Trình bày sự việc cuối/kết quả của hiện tượng tự nhiên hoặc tóm tắt nội dung đã giải thích. |
| **HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP –VẬN DỤNG**  |
| **a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã ôn tập để giải đề, củng cố kiến thức.**b. Nội dung:** Sử dụng kiến thức đã học làm bài tập **c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS**d. Tổ chức thực hiện:** |
| **Giao nhiệm vụ học tập** | **Thực hiện nhiệm vụ học tập và báo cáo, thảo luận** | **Kết luận, nhận định** |
| **- GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**- GV yêu cầu HS thảo luận nhóm trả lời câu hỏi đọc hiểu Nhóm 1,2- Nhóm 3,4 viết đoạn văn theo yêu cầu của đề | **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**- HS thảo luận nhóm theo yêu cầu của GV, **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**- GV mời 2 – 3 HS trình bày trước lớp. | **Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**- GV nhận xét, chốt nội dung bài học |
| **ĐỀ THAM KHẢO:****Phần I. Đọc hiểu (6,0 điểm)**Đọc bài thơ sau và thực hiện các yêu cầu bên dưới:**CỬA SÔNG**

|  |  |
| --- | --- |
| Là cửa nhưng không then khóaCũng không khép lại bao giờMênh mông một vùng sóng nướcMở ra bao nỗi đợi chờ. Nơi những dòng sông cần mẫnGửi lại phù sa bãi bồiĐể nước ngọt ùa ra biểnSau cuộc hành trình xa xôi. Nơi biển tìm về với đấtBằng con sóng nhớ bạc đầuChất muối hòa trong vị ngọtThành vũng nước lợ nông sâu. | Nơi cá đối vào đẻ trứngNơi tôm rảo đến búng càngCần câu uốn cong lưỡi sóngThuyền ai lấp lóa đêm trăng. Nơi con tàu chào mặt đấtCòi ngân lên khúc giã từCửa sông tiễn người ra biểnMây trắng lành như phong thư. Dù giáp mặt cùng biển rộngCửa sông chẳng dứt cội nguồnLá xanh mỗi lần trôi xuốngBỗng… nhớ một vùng núi non(theo Quang Huy) |

Câu 1: Bài thơ thuộc thể thơ gì:A, Sáu chữ B Bảy chữ C Năm chữ D.Tám chữ **Câu 2.** Trong khổ thơ đầu, tác giả dùng những từ ngữ nào để nói về nơi sông chảy ra biển?Là cửa nhưng không then khóaCũng không khép lại bao giờMênh mông một vùng sóng nướcMở ra bao nỗi đợi chờA. Không then khóa, vùng sóng nước, mở raB. Không then khóa, không khép lại, mở raC. Không khéo lại, vùng sóng nước, mở raD. Không khéo lại, vùng sóng nước, nỗi đợi chờ**Câu 3.** “Cách giới thiệu ấy vô cùng đặc biệt, tác giả đã khéo léo sử dụng biện pháp chơi chữ. Mượn cái tên “cửa sông” để chơi chữ. Cửa sông cũng là một cái cửa nhưng lại không giống những cái cửa bình thường khác. Cái cửa đó không có then cũng chẳng có khóa. Lại chẳng khép lại bao giờ, giữa mênh mông muôn trùng sóng nước mở ra bao nhiêu nỗi niềm riêng.” Nhận định trên đúng hay sai?A. ĐúngB. Sai**Câu 4.** Đoạn thơ cuối bài sử dụng biện pháp nghệ thuật gì?“Dù giáp mặt cùng biển rộngCửa sông chẳng dứt cội nguồnLá xanh mỗi lần trôi xuốngBỗng… nhớ một vùng núi non…”A. Nhân hóaB. Liệt kêC. So sánhD. Điệp từ**Câu 5.** Đâu không phải là đặc điểm của cửa sông?A. Nơi biển cả tìm về với đất liềnB. Nơi nước ngọt chảy vào biển rộngC. Nơi nước ngọt của những con sông và nước mặn của biển hòa lẫn vào nhau.D. Nơi những người thân được gặp lại nhau**Câu 6.** Cho đoạn thơ:“Dù giáp mặt cùng biển rộngCửa sông chẳng dứt cội nguồnLá xanh mỗi lần trôi xuốngBỗng… nhớ một vùng núi non”Đoạn thơ trên nói lên điều gì về tấm lòng của sông?A. sông không giờ quên cội nguồnB. sông không bao giờ quên biểnC. sông không bao giờ xa biểnD. sông luôn gắn bó với núi non**Câu 7.** Phép nhân hóa ở khổ thơ cuối giúp tác giả nói lên điều gì về “tấm lòng” của cửa sông đối với cội nguồn?A. “Tấm lòng” của cửa sông không quên cội nguồn.B. “Tấm lòng” của cửa sông đã dứt được cội nguồn để vươn ra biển lớn.C. “Tấm lòng” của cửa sông day dứt vì phải xa rời cội nguồn.D. “Tấm lòng” của cửa sông ân hận vì đã rời xa cội nguồn.**Câu 8.**Ý nghĩa của bài thơ Cửa sông?A. Miêu tả trình tự sông chảy ra biển, hồ hoặc một dòng sông khác tại cửa sông.B. Cho thấy cửa sông là một nơi rất độc đáo, thú vị.C. Qua hình ảnh cửa sông, tác giả ngợi ca tình cảm thủy chung, luôn nhớ về cội nguồn.D. Cho nên mọi vùng biển đều bắt nguồn từ sông.**Câu 9**(1,0 điểm). Qua đoạn trích, tác giả muốn gửi gắm đến chúng ta thông điệp gì?**Câu 10**(1,0 điểm)**.**Viết đoạn văn khoảng 6-8 câu, trình bày suy nghĩ của em về tình yêu quê hương đất nước có sử dụng ít nhất một từ tượng hình hoặc tượng thanh.**Phần II. Viết (4,0 điểm)**Viết đoạn văn ghi lại cảm nghĩ của em về bài thơ tự do

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Câu** | **Nội dung cần đạt** | **Điểm** |
| **Câu 1** | C. Thơ sáu chữ | 0,5 điểm |
| **Câu 2** | B. Không then khóa, không khép lại, mở ra | 0,5 điểm |
| **Câu 3** | A. Đúng | 0,5 điểm |
| **Câu 4** | A. Nhân hóa | 0,5 điểm |
| **Câu 5** | D. Nơi những người thân được gặp lại nhau | 0,5 điểm |
| **Câu 6** | A. sông không giờ quên cội nguồn | 0,5 điểm |
| **Câu 7** | A. “Tấm lòng” của cửa sông không quên cội nguồn. | 0,5 điểm |
| **Câu 8** | C. Qua hình ảnh cửa sông, tác giả ngợi ca tình cảm thủy chung, luôn nhớ về cội nguồn. | 0,5 điểm |
| **Câu 9** | Bài thơ vừa miêu tả vẻ đẹp cửa sông với nhiều đặc trưng độc đáo, đồng thời tác giả gửi gắm một tình yêu sâu sắc đối với cội nguồn, ngợi ca tình nghĩa thủy chung sắt son của con người trong cuộc sống. | 1,0 điểm |
| **Câu 10** | - Đảm bảo đúng hình thức- Có sử dụng và chỉ ra một từ tượng hình hoặc tượng thanh- Trình bày được biểu hiện về tình yêu quê hương đất nước:+ Tình thân gia đình+ Tình làng xóm+ Sự gắn bó với làng quê+ Bảo vệ và giữ gìn nét đẹp truyền thống+ …- Trình bày được vai trò của tình yêu quê hương đất nước:+ Là yếu tố quan trọng không thể thiếu trong mỗi con người.+  Giúp cho mỗi người sống tốt hơn+ Thúc đẩy sự phát triển của bản thân và cống hiến cho cộng đồng.- Trình bày được bài học cá nhân.=> Khẳng định lại ý nghĩa của quê hướng đối với mỗi người. |   1,0 điểm             |

**Phần II. Viết (4,0 điểm)**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Câu** | **Nội dung** | **Điểm** |
|  | **a. Đảm bảo cấu trúc đoạn văn cảm nghĩ về một bài thơ tự do:**Mở đoạn, thân đoạn, kết đoạn. Dùng ngôi thứ nhất để trình bày cảm nghĩ về bài thơ,… | 0,25 điểm |
|  | **b. Xác định đúng yêu cầu của đề:**Viết đoạn văn ghi lại cảm nghĩ về một bài thơ tự do.    | 0,25 điểm |
|  | **c. Bài viết có thể triển khai theo nhiều cách khác nhau song cần đảm bảo các ý sau:****1. Mở đoạn:**- Giới thiệu được nhan đề, tác giả và cảm nghĩ chung của người viết về bài thơ.**2. Thân đoạn:**- Trình bày cảm xúc, suy nghĩ của bản thân về nội dung và nghệ thuật của bài thơ; làm rõ cảm xúc, suy nghĩ bằng những hình ảnh, từ ngữ được trích từ bài thơ.**3. Kết đoạn:**Khẳng định lại cảm nghĩ về bài thơ và ý nghĩa của nó đối với bản thân. | 2,5 điểm |
|  | **d. Chính tả, ngữ pháp:**Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt. | 0,5 điểm |
|  | **e. Sáng tạo:** Diễn đạt sáng tạo, sinh động, giàu hình ảnh, có giọng điệu riêng. | 0,5 điểm |
|  | **Lưu ý:** Chỉ ghi điểm tối đa khi thí sinh đáp ứng đủ các yêu cầu về kiến thức và kĩ năng. |  |
| Bài mẫu:Lũ lụt là một hiện tượng tự nhiên xảy ra ở nhiều quốc gia, gây ra nhiều hậu quả cho con người.Lũ lụt được hiểu một cách đơn giản là hiện tượng mực nước trên sông, hồ quá lớn, quá mức quy định dẫn đến tình trạng ngập úng, nước tràn hoặc gây vỡ đê trực tiếp tràn vào khu dân cư.Nguyên nhân gây ra lũ lụt đầu tiên có thể do bão và triều cường xảy ra tạo nên lượng nước lũ lớn, kèm theo đó là hiện tượng sạt lở đất khiến cho đất dâng lên làm tràn ngập nước vùng ven biển. Thứ hai, mưa lớn kéo dài ở các vùng đồng bằng khiến các con sông không kịp thoát nước, gây ngập úng. Thứ ba, thảm họa sóng thần hay thủy triều cũng gây ra hiện tượng này. Cuối cùng, nguyên nhân phải kể đến chính là do sự tác động của con người. Các hành vi như chặt phá rừng bừa bãi, khai thác tài nguyên một cách khiển đồi núi bị xói mòn, dễ gây nên tình trạng ngập lụt hay sạt lở đất mỗi khi mùa mưa bão đến.Lũ lụt, trước hết, gây ra thiệt hại to lớn về tính mạng của con người. Chúng ta không thể nào thống kê được hết số người đã chịu thiệt mạng vì lũ lụt. Có thể kể đến trận lũ lụt đồng bằng sông Hồng năm 1971 khiến cho khoảng hơn năm trăm người chết và hơn một trăm nghìn người bị thương nặng. Tiếp đến, sau mỗi trận lũ lụt đi qua ở miền trung và miền nam hang năm, nhiều của cải của con người cũng bị tàn phá nặng nề, ví dụ như nhà cửa, cây trồng, vật nuôi,... Nếu tình trạng bão lũ kéo dài còn khiến cho việc trồng trọt bị ảnh hưởng, các loại cây lương thực bị ngập úng mà chết, từ đó ảnh hưởng đến nguồn lương thực, thực phẩm phục vụ cho cuộc sống của con người. Ngoài ra, khu lũ lụt xảy ra, kéo theo những chất thải từ cống rãnh, ao hồ và các khu đổ rác làm ô nhiễm trực tiếp đến nguồn nước công cộng. Tình trạng ô nhiễm môi trường nước khiến cho con người dễ bị nhiều bệnh về đường ruột hay tạo điều kiện cho các loại vi-rút xuất hiện.Cho đến nay, người ta vẫn chưa thể hoàn toàn dự báo chính xác sự xuất hiện của lũ lụt. Chúng ta chỉ có thể xây dựng các công trình tương thích để sống cùng với lũ. Đồng thời luôn đề cao cảnh giác khi các nhân tố thiên tai có thể gây ra lũ lụt diễn ra. Quan trọng nhất, là cần phải đẩy mạnh việc trồng rừng và bảo vệ môi trường để hạn chế tối đa tác động của hiện tượng lũ lụt.Trước tình trạng ấy,Con người cần ý thức được tác hại của lũ lụt, để phòng tránh lũ lụt xảy ra cũng như giải pháp để khắc phục, phòng chống thiên tai bảo vệ cuộc sống bình yên cho mọi nhà. |
|  |

 |

**IV. HƯỚNG DẪN TỰ HỌC:**

**1. Bài vừa học:** Nắm được các kiến thức đã học từ bài 1 đến bài 3.

**2. Bài sắp học : Kiểm tra giữa kì I**

 Ôn lại kiến thức đã học từ bài 1 đến bài 3.

- Phần đọc hiểu: Văn bản thông tin giải thích 1 hiện tượng tự nhiên.

- Phần Viết: Viết đoạn văn ghi lại cảm nghĩ về 1 bài thơ tự do.

**----------------------------------------------------------------------------------------------------**

**Ngày 4 /11/2024**

**Tiết: 35,36 KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Mức độ/ yêu cầu cần đạt :**

**-** Nắm được nội dung cơ bản đã học giữa học kì I, gồm các kĩ năng đọc hiểu, viết, nói và nghe; các đơn vị kiến thức tiếng Việt, văn bản.

- Đặc điểm hình thức và nội dung của thơ sáu chữ, bảy chữ

**2. Năng lực:** Rèn năng lực quản lí thời gian, năng lực giao tiếp, ra quyết định.

a) Đọc: Đọc kĩ đề, chọn đáp án chính xác khi làm bài.

b) Viết: Rèn kĩ năng viết đoạn văn ghi lại cảm xúc về một bài thơ, đoạn văn trình bày nội dung ý nghĩa từ một văn bản đọc hiểu.

c) Nói –Nghe: Nghe sự hướng dẫn của GV coi kiểm tra; nêu ý kiến cá nhân khi thấy thật sự cần thiết trong quá trình kiểm tra liên quan đến đề bài.

**3. Phẩm chất**: giáo dục ý thức học tập bộ môn, có ý thức nghiêm túc trong giờ kiểm tra.

**II. PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

 **1. Phương tiện dạy học:**

 - Đề kiểm tra .

 **2. Hình thức tổ chức dạy học:**

 - Phát đề, dặn dò hs trước khi làm bài.

 **3. Chuẩn bị bài của học sinh**: Giấy kiểm tra, bút.

**III TIẾN TRÌNH KIỂM TRA**

1. Ổn định tổ chức
2. Kiểm tra sỉ số
3. Phát đề cho học sinh : Đề chung toàn khối 8
4. Kiểm tra-Thu bài

**MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I**

**MÔN: NGỮ VĂN, LỚP 8**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Kĩ năng** | **Nội dung/đơn vị kiến thức** | **Mức độ nhận thức** | **Tổng****% điểm** |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** |
| **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** |
| **1** | **Đọc**  | Thơ sáu chữ, bảy chữ | **6** | **0** | **2** | **1** | **0** | **1** | **0** | **0** | 60% |
| **2** | **Viết** | Văn bản thuyết minh giải thích một hiện tượng tự nhiên | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 40% |
| **Tổng** | ***30*** | ***10*** | ***10*** | ***20*** | ***0*** | ***20*** | ***0*** | ***10*** | **100** |
| **Tỉ lệ %** | **40%** | **30%** | **20%** | **10%** |
| **Tỉ lệ chung** | **70%** | **30%** |

**BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I**

**MÔN: NGỮ VĂN LỚP 8 - THỜI GIAN LÀM BÀI: 90 PHÚT**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Kĩ năng** | **Nội dung/Đơn vị kiến thức** | **Mức độ đánh giá** | **Số câu hỏi theo mức độ nhận thức** |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** |
| **1** | **Đọc** | Thơ sáu chữ, bảy chữ | **Nhận biết:**- Nêu được ấn tượng chung về thể loại văn bản.**-** Nhận biết được số tiếng, số dòng, vần, nhịp, thể loại của bài thơ. - Nhận diện được các yếu tố tự sự, miêu tả và biểu cảm trong thơ. - Chỉ ra được tình cảm, cảm xúc của người viết thể hiện qua ngôn ngữ văn bản.- Nhận biện pháp tu từ.**Thông hiểu:**- Nêu được chủ đề của bài thơ, cảm xúc chủ đạo của nhân vật trữ tình trong bài thơ.- Nhận xét được nét độc đáo của bài thơ thể hiện qua từ ngữ, hình ảnh, biện pháp tu từ.- Chỉ ra tác dụng của các yếu tố tự sự và miêu tả, các biện pháp tu từ trong thơ.- Chỉ ra được một số kiểu đoạn văn trong văn bản. **Vận dụng**: - Đánh giá được giá trị của phép tu từ.- Trình bày được bài học về cách nghĩ và cách ứng xử được gợi ra từ văn bản. | 6 TN | 2TN1TL | 1TL |  |
| **2** | **Viết** | Văn bản thuyết minh giải thích một hiện tượng tự nhiên | **Nhận biết:** **Thông hiểu:** **Vận dụng:** **Vận dụng cao:** Viết bài văn thuyết minh giải thích một hiện tượng tự nhiên. | **1\*** | **1\*** | **1\*** | 1\* |
| **Tổng** |  | **6 TN****1TL** | **2TN 2TL** | **2TL** | **1TL** |
| ***Tỉ lệ %*** |  | ***40*** | ***30*** | ***20*** | ***10*** |
| **Tỉ lệ chung** |  | **70** |  **30** |

**ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I**

**Môn: Ngữ văn lớp 8**

*Thời gian làm bài: 90 phút, không kể thời gian giao đề*

**I. ĐỌC HIỂU (6.0 điểm)**

**Đọc bài thơ sau và trả lời câu hỏi :**

|  |  |
| --- | --- |
| **XUÂN VỀ**Đã thấy xuân về với gió đông,Với trên màu má gái chưa chồng.Bên hiên hàng xóm, cô hàng xómNgước mắt nhìn giời, đôi mắt trong. Từng đàn con trẻ chạy xun xoe,Mưa tạnh giời quang, nắng mới hoe.Lá nõn, nhành non ai tráng bạc?Gió về từng trận, gió bay đi… | Thong thả dân gian nghỉ việc đồng,Lúa thì con gái mượt như nhungĐầy vườn hoa bưởi hoa cam rụng,Ngào ngạt hương bay, bướm vẽ vòng. Trên đường cát mịn, một đôi cô,Yếm đỏ, khăn thâm, trẩy hội chùa.Gậy trúc dắt bà già tóc bạc,Tay lần tràng hạt miệng nam vô. **1937** **Nguyễn Bính** |

**Câu 1. Bài thơ trên thuộc thể thơ nào?**

A. Song thất lục bát B. Năm chữ C. Bảy chữ D. Tám chữ

**Câu 2. Xác định phương thức biểu đạt chính của bài thơ trên.**

A. Tự sự B. Biểu cảm C. Miêu tả D. Nghị luận

**Câu 3. Chỉ ra những biện pháp tu từ được sử dụng trong hai câu thơ:**

“Đầy vườn hoa bưởi hoa cam rụng,

 Ngào ngạt hương bay, bướm vẽ vòng.

A. So sánh, nhân hóa, ẩn dụ, liệt kê B. Nhân hóa, ẩn dụ, so sánh

C. Liệt kê, nhân hóa, đảo ngữ D. Hoán dụ, so sánh, nhân hóa

**Câu 4. Câu hỏi ở câu thơ “Lá nõn, nhành non ai tráng bạc?” dùng để:**

A. Làm tăng tính gợi hình, gợi cảm cho sự diễn đạt

B. Khái quát nội dung chính của văn bản: bức tranh mùa xuân tươi sáng, đầy sức sống.

C. Nhấn mạnh vẻ đẹp mơn mởn, xanh tốt  của lúa non.

D. Bộc lộ cảm xúc ngỡ ngàng, vui sướng trước sự sinh sôi nảy nở của lúa non.

**Câu 5. Chọn câu đúng nhất về tác dụng của biện pháp tu từ so sánh trong câu thơ: *“Lúa thì con gái mượt như nhung”***

A. Gợi hình, gợi cảm và nhấn mạnh vẻ đẹp của cây lúa.

B. Gợi hình ảnh sinh động về cây lúa.

C. Gợi cảm xúc về tình yêu đối với cây lúa.

D. Nhấn mạnh vẻ đẹp của cây lúa.

**Câu 6. Ý nghĩa của hình ảnh đôi mắt người thiếu nữ trong câu “Ngước mắt nhìn giời, đôi mắt trong”.**

A. Vẻ đẹp đôi mắt của cô gái. B. Sự quyến rũ, thơ mộng của cô gái.

C. Vẻ đẹp trong xanh của bầu trời. D. Vẻ đẹp hồn nhiên, trong sáng của cô gái.

**Câu 7. Từ láy “xun xoe” trong câu thơ “Từng đàn con trẻ chạy xun xoe” có tác dụng gì?**

A. Sự vồn vã, săn đón thái quá, cốt lấy lòng để được yêu thương.

B. Thể hiện được tâm trạng nô nức, háo hức và sung sướng của lũ trẻ khi xuân về.

C. Chạy loanh quanh một chỗ với tâm trạng sung sướng của lũ trẻ khi xuân về.

D. Thể hiện được tâm trạng háo hức và sung sướng của lũ trẻ vì được nhiều phong bao lì xì khi xuân về.

**Câu 8. Xác định nội dung chính của văn bản?**

A. Bức tranh mùa xuân tươi sáng, trong lành, đầy sức sống.

B. Bức tranh mùa xuân thanh bình, yên ả.

C. Bức tranh mùa xuân buồn bã, tĩnh vắng.

D. Bức tranh mùa xuân đơn sơ, mộc mạc.

**Câu 9. Trình bày nét đẹp văn hóa làng quê Việt Nam qua hai câu thơ.**

 *“Trên đường cát mịn, một đôi cô*

 *Yếm đỏ, khăn thâm, trẩy hội chùa.”*

**Câu 10. Em có đồng tình với quan điểm “Biết yêu mến những cảnh đẹp bình dị của quê hương, con người cũng sẽ có nhiều hành động đẹp trong cuộc sống” không? Vì sao?**

**II. LÀM VĂN (4,0 điểm)**

Gió, mưa, sấm chớp là những hiện tượng tự nhiên quen thuộc. Em hãy viết bài văn thuyết minh giải thích một trong các hiện tượng tự nhiên này.

**HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I**

**Môn: Ngữ văn lớp 7**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Phần** | **Câu** | **Nội dung** | **Điểm** |
| **I** |  | **ĐỌC HIỂU** | **6,0** |
|  | **1** | C | 0,5 |
| **2** | B | 0,5 |
| **3** | C | 0,5 |
| **4** | B | 0,5 |
| **5** | A | 0,5 |
| **6** | D | 0,5 |
| **7** | B | 0,5 |
| **8** | A | 0,5 |
|  | **9** |  *Học sinh trình bày theo cảm nhận của mình.*Gợi ý: Hai câu thơ đã cho người đọc thấy trang phục, thiên nhiên và phong tục tập quán của làng quê đất nước ta thời xưa. Nét đẹp ấy giờ đây vẫn được giữ gìn và phát huy đến tận ngày nay ở những làng quê Việt Nam. | 1,0 |
|  | **10** | *HS nêu quan điểm đồng tình hoặc không đồng tình và đưa ra lí giải phù hợp.*Gợi ý: Đồng tìnhEm đồng tình với quan điểm “Biết yêu mến những cảnh đẹp bình dị của quê hương, con người cũng sẽ có nhiều hành động đẹp trong cuộc sống”. Vì những cảnh đẹp của quê hương là những thứ bình dị và nhỏ bé nhất. Người biết yêu những thứ nhỏ bé sẽ có hành động đẹp trong cuộc sống. | 1,0 |
| **II** |  | **VIẾT** | **4,0** |
|  | *a*. *Đảm bảo cấu trúc bài văn thuyết minh giải thích một hiện tượng tự nhiên.*  | 0,25 |
|  | *b. Xác định đúng yêu cầu của đề*: viết bài văn giải thích về một hiện tượng tự nhiên  | 0,25 |
|  | *c. Triển khai bài văn thành các phần:***- Phần mở đầu:** Giới thiệu khái quát về hiện tượng tự nhiên muốn giải thích.**- Phần nội dung:** giải thích nguyên nhân xuất hiện và cách thức diễn ra của hiện tượng tự nhiên.+ Vì sao hiện tượng tự nhiên đó xuất hiện.+ Hiện tượng tự nhiên đó xuất hiện như thế nào?+ Hiện tượng tự nhiên đó kết thúc như thế nào? Gây nên kết quả gì+ Nhận xét:Hiện tượng tự nhiên đó có diễn ra thường xuyên không?Hiện tượng tự nhiên đó có ảnh hưởng, tác động tốt/xấu gì cho con người hay không?**- Phần kết thúc:** có thể trình bày sự việc cuối/ kết quả của hiện tượng tự nhiên hoặc tóm tắt nội dung giải thích. | 2,5 |
|  | *d. Chính tả, ngữ pháp*Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt. | 0,5 |
|  | *e. Sáng* tạo: Bố cục mạch lạc, lời văn sinh động, gợi cảm, sáng tạo. | 0,5 |

**Tiết 37 THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT ( Yếu tố Hán Việt)**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Mức độ/ yêu cầu cần đạt:**

- Nhận biết được từ Hán Việt thông dụng và từ không có yếu tố Hán Việt.

- Xác định và phân tích được nghĩa của một số yếu tố Hán Việt thông dụng và nghĩa của những từ có yếu tố Hán Việt.

**2. Năng lực**

**a. Năng lực chung**

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

**b. Năng lực riêng biệt**

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến đề bài;

- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân;

- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận;

- Năng lực viết, tạo lập văn bản.

**3. Phẩm chất:**

- Giữ gìn sự trong sáng của Tiếng Việt

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của giáo viên:**

- KHBD, SGK.

- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi;

- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp;

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà;

**2. Chuẩn bị của học sinh:** SGK, SBT Ngữ văn 8, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. KHỞI ĐỘNG**

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình từ đó HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học

**b. Nội dung:** Câu hỏi gợi mơt

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**

- GV đặt câu hỏi phát vấn “ Em đã được học những gì về từ Hán Việt?”

- HS suy nghĩ trả lời

**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

- HS tham gia chia sẻ câu trả lời

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận**

- Phần trả lời của học sinh

**Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập**

- GV nhận xét, khen ngợi HS.

- Từ chia sẻ của HS, GV dẫn dắt vào bài học mới

**B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**a. Mục tiêu:**

- Nhận biết được từ Hán Việt thông dụng và từ không có yếu tố Hán Việt.

- Xác định và phân tích được nghĩa của một số yếu tố Hán Việt thông dụng và nghĩa của những từ có yếu tố Hán Việt.

**b. Nội dung:**

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS và kiến thức HS tiếp thu được liên quan đến nội dung bài học

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**- GV yêu cầu HS đọc thông tin trong SGK phần Tri thức ngữ văn và hoàn thành phiếu học tập- HS tiếp nhận nhiệm vụ.**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**- HS đọc thông tin và chuẩn bị trình bày vào phiếu học tập**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận**- GV mời 1 – 2 HS phát biểu, yêu cầu cả lớp nhận xét, góp ý, bổ sung (nếu cần thiết).**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**- GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức. | **I. TRI THỨC TIẾNG VIỆT**- Từ Hán Việt là những [từ](https://vi.wikipedia.org/wiki/T%E1%BB%AB) và [ngữ tố](https://vi.wikipedia.org/wiki/Ng%E1%BB%AF_t%E1%BB%91) [tiếng Việt](https://vi.wikipedia.org/wiki/Ti%E1%BA%BFng_Vi%E1%BB%87t) bắt nguồn từ [tiếng Hán](https://vi.wikipedia.org/wiki/Ti%E1%BA%BFng_H%C3%A1n) và những từ tiếng Việt được người nói tiếng Việt tạo ra bằng cách ghép các từ và/hoặc ngữ tố tiếng Việt gốc Hán lại với nhau. Từ Hán Việt là một bộ phận không nhỏ của [tiếng Việt](https://vi.wikipedia.org/wiki/Ti%E1%BA%BFng_Vi%E1%BB%87t), có vai trò quan trọng và không thể tách rời hay xóa bỏ khỏi tiếng Việt.- Nghĩa của một số yếu tố Hán Việt thông dụng và nghĩa của những từ có yếu tố Hán Việt.Một số yếu tố Hán Việt thông dụng dưới đây có thể kết hợp với nhau, hoặc kết hợp với các yếu tố khác để tạo thành từ Hán Việt:+ Chinh (đánh dẹp, đi xa): chinh phục, chinh phụ…+ Lạm (quá mức): lạm phát, lạm dụng…+ Tuyệt (dứt, hết…): tuyệt bút, tuyệt nhiên…+  Vô (không, không có):  vô bổ, vô tận… |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học về từ Hán Việt

**b. Nội dung:** Sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành nhiệm vụ: Hoàn thành các bài tập trong SGK trang 66 - 67

**c. Sản phẩm học tập:** Phần trả lời của học sinh

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**Bài tập SGK trang 66 – 67 **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**- HS trình bày trước lớp**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận**- GV mời một số HS trình bày trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe, nhận xét, bổ sung.**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập****- GV nhận xét, đánh giá** | **Câu 1 (trang 66 sgk Ngữ văn lớp 8 Tập 1):**Tìm thêm những từ Hán Việt để điền vào bảng sau và giải thích ý nghĩa của chúng (làm vào vở):

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **STT** | **Yếu tố Hán Việt** | **Từ Hán Việt** |
| 1 | vô (không) | vô tình, vô sự, hư vô… |
| 2 | hữu (có) | hữu tình, hữu ý, hữu duyên… |
| 3 | hữu (bạn) | thân hữu, bằng hữu… |
| 4 | lạm (quá mức) | lạm thu, lạm phát, lạm dụng… |
| 5 | tuyệt (tột độ, hết mức) | tuyệt sắc, tuyệt đối… |
| 6 | tuyệt (dứt, hết) | tuyệt giao, tuyệt tình, tuyệt tôn… |
| 7 | gia (thêm vào) | gia vị, gia tăng… |
| 8 | gia (nhà) | gia phong, gia đình, … |
| 9 | chinh (đánh dẹp) | chinh phạt, chính chiến… |
| 10 | chinh (đi xa) | chinh nhân, viễn chinh… |

**Câu 2 (trang 67 sgk Ngữ văn lớp 8 Tập 1):**Đặt ba câu với ba từ Hán Việt tìm được ở bài tập 1.**Trả lời:**- Phong cảnh nơi đây thật hữu tình.- Dân số nước ta đang gia tăng chóng mặt.- Kì thi này bạn Nguyễn Văn A đã đạt điểm tuyệt đối tất cả các môn.**Câu 3 (trang 67 sgk Ngữ văn lớp 8 Tập 1**a.- vô hình: không nhìn thấy (hương, gió)- hữu hình: có thể nhìn thấy (sông, chim, mây)b.- thâm trầm, điềm đạm: tỏ ra sự nhẹ nhàng, từ tốn, kín đáo sâu sắc và không gắt gỏng.- khẩn trương: vội vàng, cấp bách.c. tuyệt chủng: kết thúc sự sinh tồnd. đồng bào: những người cùng một giống nòi, một dân tộc**Câu 4 (trang 67 sgk Ngữ văn lớp 8 Tập 1):**Nếu thay từ “hoang dã” bằng từ “mông muội” thì ý nghĩa của đoạn văn có thay đổi. Vì: từ mông muội có nghĩa là tối tăm, mù mịt và ngu dại; nếu sử dụng như vậy người viết sẽ tự cho mình là kẻ không có hiểu biết, đồng thời khiến cảm xúc đoạn văn đi xuống theo chiều tiêu cực.**Câu 5 (trang 67 sgk Ngữ văn lớp 8 Tập 1):**Phân biệt ý nghĩa của các cặp từ sau và cho ví dụ minh họa:a.- Vô tư: không hoặc ít lo ngại, sống hồn nhiên.- Vô ý thức: Không có chủ định, không nhận biết rõ ý nghĩa của việc (sai trái) mình đang làm.→ Đặt câu:- Nhìn các cô bé, cậu bé đang vô tư cười đùa trông thật hạnh phúc biết bao.- Mặc dù là nơi tâm linh, nhưng có người vẫn vô ý thức ném rác bừa bãi.b.- chinh phu: người đàn ông đi đánh trận nơi xa thời phong kiến.- chinh phụ: vợ của người đàn ông đang đi đánh trận thời phong kiến.→ Đặt câu:- Hình ảnh kẻ chinh phu trong lòng người chinh phụ là một hình ảnh không gì có thể làm phai mờ.- Hình ảnh người chinh phụ đang đau đáu chờ chồng đi chinh chiến nơi xa thật khiến cho người ta cảm động. |

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học về từ Hán Việt, sưu tầm và giải nghĩa từ đó vào sổ tay Tiếng Việt

**b. Nội dung:** Sử dụng SGK, kiến thức đã học sưu tầm và giải nghĩa từ đó vào sổ tay Tiếng Việt

**c. Sản phẩm học tập**: Bài làm của học sinh

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1:** GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

**Bước 2:** HS thực hiện nhiệm vụ học tập

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận**

- GV mời một số HS trình bày trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe, nhận xét, bổ sung.

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**

- GV nhận xét, đánh giá

**IV. Hướng dẫn tự học:**

**1. Bài vừa học:** Ôn tập, nắm được các kiến thức tiếng việt

**2. Bài sắp học:** Trả bài kiểm tra giữa kì I

 Ôn lại kiến thức từ đầu học kì đến nay

**IV. HỒ SƠ DẠY HỌC**

- Phiếu học tập:

**\* Phụ lục:**

Rubic đánh giá hoạt động thảo luận nhóm

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TIÊU CHÍ** | **CẦN CỐ GẮNG****(0 – 4 điểm)** | **TỐT****(5 – 7 điểm)** | **XUẤT SẮC****(8 – 10 điểm)** |
| **Hình thức****(2 điểm)** | **0 điểm** Bài làm còn sơ sài, trình bày cẩu thảSai lỗi chính tả  | **1 điểm**Bài làm tương đối đẩy đủ, chỉn chu Trình bày cẩn thận Không có lỗi chính tả  | **2 điểm** Bài làm tương đối đẩy đủ, chỉn chu Trình bày cẩn thận Không có lỗi chính tảCó sự sáng tạo |
| **Nội dung****(6 điểm)** | **1 - 3 điểm**Chưa trả lơi đúng câu hỏi trọng tâm Không trả lời đủ hết các câu hỏi gợi dẫn Nội dung sơ sài mới dừng lại ở mức độ biết và nhận diện  | **4 – 5 điểm** Trả lời tương đối đầy đủ các câu hỏi gợi dẫn Trả lời đúng trọng tâmCó ít nhất 1 – 2 ý mở rộng nâng cao  | **6 điểm**Trả lời tương đối đầy đủ các câu hỏi gợi dẫn Trả lời đúng trọng tâmCó nhiều hơn 2 ý mở rộng nâng caoCó sự sáng tạo  |
| **Hiệu quả nhóm****(2 điểm)** | **0 điểm** Các thành viên chưa gắn kết chặt chẽ Vẫn còn trên 2 thành viên không tham gia hoạt động  | **1 điểm** Hoạt động tương đối gắn kết, có tranh luận nhưng vẫn đi đến thông nhát Vẫn còn 1 thành viên không tham gia hoạt động  | **2 điểm** Hoạt động gắn kết Có sự đồng thuận và nhiều ý tưởng khác biệt, sáng tạo Toàn bộ thành viên đều tham gia hoạt động |
| **Điểm**  |  |  |  |
| **TỔNG**  |  |

**Ngày dạy: 14/11/2024**

**Tiết 38 TRẢ BÀI KIỂM TRA GIỮA KÌ I**

**I. MỤC TIÊU:**

 **1. Mục tiêu/ yêu cầu cần đạt*:***

- Nhận biết được phương thức biểu đạt trong văn bản, mục đích chính của văn bản.

- Nhận diện được vấn đề chính được giải thích trong văn bản.

- Nhận biết được đặc điểm, cách trình bày thông tin trong văn bản.

- Lí giải được đặc điểm của văn bản thông tin giải thích một hiện tượng tự nhiên.

- Phân tích được thông tin cơ bản của văn bản. Đánh giá được hiệu quả biểu đạt của một kiểu phương tiện phi ngôn ngữ trong một văn bản.

- Chỉ ra được một số kiểu đoạn văn trong văn bản. Biết viết được bài văn biểu cảm.

**2. Năng lực*:***

 \* ***Năng lực chung:***

- Năng lực tự học; năng lực giải quyết vấn đề; năng lực tư duy; năng lực giao tiếp; năng lực hợp tác

 ***\* Năng lực chuyên biệt:***

- Nhận biết được những nội dung chính và cấu trúc của một bài kiểm tra.

- Có kĩ năng làm bài, biết cách sửa lỗi cho mình và cho bạn sau mỗi bài kiểm tra.

 **3. Phẩm chất**:

- Có trách nhiệm với việc học tập của bản thân

- Chăm chú trong học bài, nghiêm túc trong làm bài kiểm tra.

- Biết nhân ái, yêu gia đình, yêu quê hương đất nước, sống gắn bó với thiên nhiên và trân trọng cuộc sống.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU:**

 **1. Giáo viên:** Sách giáo khoa, kế hoạch bài dạy, bài kiểm tra của học sinh, máy chiếu, máy tính.

 **2. Học sinh:** xem lại đề kiểm tra và nội dung bài đã làm được của mình, chuẩn bị phiếu học tập để trao đổi.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY - HỌC:**

 **HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG**

**a. Mục tiêu**: Giúp HS

- Quan sát lại đề kiểm tra và đối chiếu bài làm của bản thân.

**b. Nội dung**:

**GV** yêu cầu HS quan sát đề kiểm tra, chú ý các câu sai và lỗi mắc phải trong bài của mình.

**c. Sản phẩm:**

- HS quan sát đề, đối chiếu bài của mình.

**d. Tổ chức thực hiện**:

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**

- Chiếu đề, yêu cầu HS quan sát

**B2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS suy nghĩ cá nhân

**B3: Báo cáo, thảo luận:** HS trả lời câu hỏi của GV

**B4: Kết luận, nhận định (GV):**

 ***Để giúp các em rút ra được những mặt mạnh và yếu qua bài kiểm tra tổng hợp giữa kỳ, hôm nay cô sẽ trả bài cho các em. Qua đó, các em sẽ hệ thống lại những kiến thức cơ bản đã làm bài ở các phần đọc- hiểu và viết.***

**HOẠT ĐỘNG 2 : HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**a.Mục tiêu**: Giúp HS

- Quan sát lại đề kiểm tra và đối chiếu bài làm của bản thân để tìm ra các câu trắc nghiệm sai, các lỗi mắc phải trong bài văn.

**b. Nội dung**:

**GV** yêu cầu HS quan sát đề kiểm tra , trả lời câu hỏi của GV.

**c. Sản phẩm:**

- Câu trả lời của Hs

**d. Tổ chức thực hiện**:

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **\*NV1:****B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**H: Hãy nêu các yêu cầu của đề bài?H: Dự kiến câu trả lời ?**B2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS suy nghĩ cá nhân- HS đọc - HS nêu yêu cầu đề- HS đối chiếu với bài làm của mình.**B3: Báo cáo, thảo luận:** HS trả lời câu hỏi của GV- HS trả lời. HS khác nhận xét bổ sung**B4: Kết luận, nhận định (GV):** *- GV công bố đáp án, biểu điểm lên phông chiếu***\*NV2: HD HS nhận ra ưu, nhược điểm trong bài của mình.**- GV đưa ra nhận xét đánh giá chung những ưu điểm, hạn chế trong bài viết của HS.*GV chiếu một vài đoạn bài làm của học sinh để cả lớp quan sát.*\* Ưu điểm:- Phần lớn bài làm đạt yêu cầu đề ra+ Trình bày sạch sẽ, rõ ràng, khoa học+ Phần trắc nghiệm, đa số làm đúng (tỉ lệ 81, 2 %)+ Phần tự luận: 87,5 % trả lời đúng thể loạiĐa số xác định đúng tình cảm, suy nghĩ của tác giả đối với quê hương, chủ đề của bài thơ- Nêu được các hình ảnh giàu giá trị biểu cảm và biện pháp tu từ nhân hóa.\* Nhược điểm: - Trong bài viết còn mắc nhiều lỗi chính tả, dùng từ đặt câu chưa chuẩn về mặt nghĩa, câu què, câu cụt, câu thiếu dấu ở trong bài viết TLV.- Một số bài nội dung còn sơ sài, nặng về kể lể sự việc, chưa bộc lộ được tình cảm, cảm xúc của bản thân.- Chưa có kĩ năng diễn đạt, kĩ năng viết bài văn nghị luận còn hạn chế.- Chuẩn bị bài chưa chu đáo, làm bài chưa tập trung.***\* Cách khắc phục.***- Tăng cường rèn kĩ năng viết câu, viết đoạn.- Cần chuẩn bị bài chu đáo, làm bài nghiêm túc.- Kiểm tra bài trước khi nộp. | **I. Tái hiện đề, tìm hiểu đề, tìm ý, lập dàn ý****II. Nhận xét chung****1.Ưu điểm:****2. Nhược điểm:**  |
| **HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP****a. Mục tiêu**: Giúp HS- Quan sát lại đề kiểm tra và đối chiếu bài làm của bản thân.**b. Nội dung**: **GV** yêu cầu HS quan sát đề kiểm tra , trả lời câu hỏi của GV.**c. Sản phẩm:** - Câu trả lời của Hs**d. Tổ chức thực hiện**:  |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **NV1:****B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)***GV tổ chức cho HS chữa lỗi cụ thể* *- GV yêu cầu 2 HS đứng tại chỗ chữa các lỗi chính tả, viết tắt, viết hoa,... trên phông chiếu:*- *GV chia lớp thành 3 tổ, phát phiếu học tập, yêu cầu thảo luận nhóm bàn (5p)*- Tổ 1: Chữa lỗi dùng từ- Tổ 2: Chữa lỗi ngữ pháp- Tổ 3: Chữa lỗi về ý và sắp xếp ý- HS thực hiện, trình bày, nhận xét cho nhau**B2: Thực hiện nhiệm vụ:** + Đọc lại bài+ Phát hiện, trao đổi -> Sửa+ Phát hiện, thảo luận -> Sửa- HS đọc những câu sai và chữa**B3: Báo cáo, thảo luận:** HS trả lời **B4: Kết luận, nhận định (GV):** - GV đưa ra nhận xét đánh giá **NV2:****B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)***GV chọn một số đoạn văn tiêu biểu chiếu lên phông chiếu cho HS đọc***? Em học tập được gì từ những bài văn trên? Chọn một đoạn hoặc một câu trong bài viết của em có mắc lỗi dùng từ hoặc diễn đạt và sửa lại cho đúng?****B2: Thực hiện nhiệm vụ:** *HS tự bộc lộ***B3: Báo cáo, thảo luận:** HS trả lời **B4: Kết luận, nhận định (GV):** - GV đưa ra nhận xét đánh giá **NV3:** **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)***GV giải quyết thắc mắc, thống kê, phân loại điểm***B2: Thực hiện nhiệm vụ:** **B3: Báo cáo, thảo luận:****B4: Kết luận, nhận định (GV):** **Thống kê điểm bài viết****Thống kê điểm bài viết****Thống kê điểm bài viết**

|  |  |
| --- | --- |
| Lớp | Điểm |
| Tốt | Khá | Đạt | Chưa đạt | TB trở lên |
| *8C(ss: 36)* | 14 | 13 | 7 | 2 | 34 |

 | **III. CHỮA LỖI****1. Chữa lỗi chính tả****2. Chữa lỗi dùng từ****3. Chữa lỗi ngữ pháp** **4. Chữa lỗi về ý và sắp xếp ý****IV. Đọc đoạn, bài tiêu biểu****V. Giải quyết thắc mắc, thống kê, phân loại điểm** |

**4. HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG**

**a) Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức vừa làm bài cho hs viết lại 1 đoạn văn bị mắc lỗi diễn đạt hoặc thiếu nội dung.

**b) Nội dung:**  HS suy nghĩ độc lập, hoàn thiện đoạn văn.

**c) Sản phẩm:** Đoạn văn của HS.

**d) Tổ chức thực hiện**

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV):**

Em hãy viết lại một đoạn văn mắc lỗi nhiều nhất?

**B2: Thực hiện nhiệm vụ**

- HS thực hiện nhiệm vụ

**B3: Báo cáo, thảo luận**

- HS viết đoạn văn

- GV gọi HS nhận xét, bổ sung.

**B4: Kết luận, nhận định**

- GV nhận xét thái độ học tập và kết quả làm việc của HS.

- Chốt kiến thức.

**IV. HƯỚNG DẪN TỰ HỌC**

**1. Bài vừa học**: - Củng cố lại kiến thức vừa kiểm tra.

**2. Bài sắp học:** Soạn: **Viết bài văn nghị luận về 1 vấn đề của đời sống**

- Một số điểm cần lưu ý khi viết một bài văn nghị luận về vấn đề đời sống.

- Nắm các bước để viết bài văn nghị luận về 1 vấn đề đời sống.

--------------------------------------------------------------------------------------------------

**Ngày day: 16/11/2024**

**Tiết 39,40**

**VIẾT BÀI VĂN NGHỊ LUẬN VỀ MỘT VẤN ĐỀ CỦA ĐỜI SỐNG**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Mức độ/ yêu cầu cần đạt:**

- HS nắm được kĩ năng viết bài văn nghị luận về một vấn đề của đời sống

**- QP & AN:** Tác hại của tệ nạn xã hội tác động đến mọi mặt của đời sống xã hội, trách nhiệm của học sinh tham gia phòng,chống bạo lực học đường.

**2. Năng lực**

**a. Năng lực chung**

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

**b. Năng lực riêng biệt:**

- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân;

- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận;

- Năng lực viết, tạo lập văn bản.

**3. Phẩm chất:**

- Ý thức tự giác, tích cực trong học tập.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của GV**

- KHBD, SGK

- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi;

- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp;

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà.

**2. Chuẩn bị của HS:** SGK, SBT Ngữ văn 8, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. KHỞI ĐỘNG**

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập \.

**b. Nội dung:** HS huy động tri thức đã có để trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm:** Nhận thức và thái độ học tập của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**

- GV yêu cầu HS chia sẻ những cảm xúc, suy nghĩ về một vấn đề đời sống hiện nay mà em quan tâm

**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

- HS suy nghĩ, chuẩn bị để chia sẻ trước lớp.

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

- GV mời 2 – 3 HS chia sẻ trước lớp.

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**

- GV nhận xét, đánh giá kết quả

- GV dẫn vào bài học mới

**B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Hoạt động 1: Tìm hiểu một số điểm cần lưu ý khi viết một bài văn nghị luận về vấn đề đời sống**

**a. Mục tiêu:** Nắm được một số điểm cần lưu ý về kiểu văn bản

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi về một số điểm cần lưu ý khi viết bài nghị luận về một vấn đề đời sống

**c. Sản phẩm học tập:** HS nắm được một số điểm cần lưu ý khu viết bài văn nghị luận về một vấn đề đời sống

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**- GV yêu cầu HS: *+ Luận đề là gì?**+ Luận điểm là gì?**+ Thế nào là bằng chứng khách quan và ý kiến, đánh giá chủ quan của người viết trong văn bản nghị luận.*- HS thực hiện nhiệm vụ.**Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**- HS nghe và đặt câu hỏi liên quan đến bài học;- HS trình bày sản phẩm.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**- HS trình bày sản phẩm thảo luận;- GV gọi HS nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**- GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức → Ghi lên bảng. | **I. Tìm hiểu kiểu bài****1. Luận đề và luận điểm trong văn nghị luận**- Luận đề: là vấn đề chính được nêu ra để bàn luận trong văn bản nghị luận.- Luận điểm: là những ý kiến thể hiện quan điểm của người viết về luận đề.Trong văn bản nghị luận, luận đề được thể hiện bằng luận điểm và làm sáng tỏ bằng lí lẽ, dẫn chứng.**2. Bằng chứng khách quan và ý kiến, đánh giá chủ quan của người viết trong văn nghị luận**- Bằng chứng khách quan là những thông tin khách quan, có thể kiểm chứng được trong thực tế.- Ý kiến đánh giá chủ quan: là những nhận định, suy nghĩ, phán đoán theo góc nhìn chủ quan của người viết, thường ít có cơ sở kiểm chứng. Do vậy, để giảm tính chủ quan trong đánh giá, giúp ý kiến trở nên đáng tin cậy, người viết cần đưa ra được các bằng chứng khách quan.- Có thể phân biệt hai khái niệm này dựa vào bảng sau:

|  |  |
| --- | --- |
| **Bằng chứng khách quan** | **Ý kiến, đánh giá chủ quan của người viết** |
| Là các thông tin khách quan như: số liệu, thời gian, nơi chốn, con người và sự kiện… | Là các ý kiến chủ quan như: quan điểm cá nhân về một vấn đề đang tranh cãi, dự đoán về tương lai, đánh giá chủ quan về sự việc, hiện tượng; có thể có được diễn đạt bằng các cụm từ như: tôi cho rằng, tôi thấy… hoặc các tính từ thể hiện sự đánh giá chủ quan. |
| Dựa trên những thí nghiệm, nghiên cứu, có nguồn đáng tin cậy, có thể xác định đúng, sai dựa vào thực tế. | Dựa trên cảm nhận, cách nhìn, diễn giải của cá nhân; không có cơ sở để kiểm chứng. |

 |

**Hoạt động 2: Thực hành viết theo các bước**

**a. Mục tiêu:** Nắm được các viết bài văn.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành viết bài

**c. Sản phẩm học tập:** HS nắm được quy trình viết

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **\* Nhiệm vụ 1:****Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**- GV hướng dẫn HS tìm hiểu và phân tích bài *Hãy yêu mến, bảo vệ thiên nhiên***Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**- HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi- Dự kiến sản phẩm:**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**- HS trình bày sản phẩm thảo luận- GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**- GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức → Ghi lên bảng. |  **II. Hướng dẫn phân tích kiểu văn bản:****Văn bản: Hãy yêu mến, bảo vệ thiên nhiên**(Theo Hồ Quang Trung, Tạp chí Văn học và Tuổi trẻ, số tháng 5 năm 2021)**Câu 1 (trang 71 sgk Ngữ văn lớp 8 Tập 1):**Vấn đề được bàn luận trong bài viết là gì? Tác giả thể hiện thái độ đồng tình hay phản đối đối với vấn đề đó?**Trả lời:**- Vấn đề được bàn luận trong bài viết là cần yêu mến và bảo vệ thiên nhiên.- Tác giả thể hiện thái độ đồng tình với vấn đề trên.**Câu 2 (trang 71 sgk Ngữ văn lớp 8 Tập 1):**Vẽ sơ đồ thể hiện luận đề, luận điểm, lí lẽ và bằng chứng trong bài viết.**Trả lời:**A picture containing text, screenshot, font, document  Description automatically generated**Câu 3 (trang 71 sgk Ngữ văn lớp 8 Tập 1):**Nhận xét về sức thuyết phục của các lí lẽ, bằng chứng được tác giả nêu ra.**Trả lời:**Tác giả đưa ra các lí lẽ, bằng chứng phù hợp, dễ hiểu giúp người đọc xác định và hình dung rõ hơn vấn đề đang bàn luận và soi xét vào thực tế cuộc sống. |
| **\*Nhiệm vụ 1****Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi: *-Theo em khi viết bài văn nghị luận về một vấn đề đời sống chúng ta cần thực hiện những bước nào?* ***(Tích hợp QP-AN****)**-Đề: Hiện nay, tệ nạn xã hội ảnh hưởng lớn đến mọi mặt đời sống. Trong đó có tình trạng bạo lực học đường. Em hãy trình bày ý kiến của mình về nạn bạo lực học đường và trách nhiệm của em về thực trạng trên.***Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**- HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi- Dự kiến sản phẩm:**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**- HS trình bày sản phẩm thảo luận- GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**- GV nhận xét, bổ sung→ chiếu video https://**www.youtube.com/watch?v=Gx945n6UK2o**Giáo dục HS: ***Yêu quý, bảo vệ và giúp đỡ bạn bè.*** | ***III. Hướng dẫn quy trình viết****Đề: Hiện nay, tệ nạn xã hội ảnh hưởng lớn đến mọi mặt đời sống. Trong đó có tình trạng bạo lực học đường. Em hãy trình bày ý kiến của mình về nạn bạo lực học đường và trách nhiệm của em về thực trạng trên.***Bước 1: Chuẩn bị trước khi viết****-**Đọc kĩ đề và nắm đuọc yêu cầu đề.-Tìm hiểu báo chí, mạng internet,... về vấn đề trên.**Bước 2: Tìm ý, lập dàn ý**- Liệt kê các ý kiến đồng tình hoặc phản đối về đề tài đã chọn dựa vào bảng sau:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Ý kiến** | **Lí lẽ** | **Bằng chứng** |
| Đồng tình |  |  |
| Phản đối |  |  |

- Sắp xếp các ý tìm được dựa vào dàn ý sau:

|  |  |
| --- | --- |
| Mở bài | Nêu vấn đề cần bàn luận.Nêu ý kiến đồng tình hay phản đối về vấn đề cần bàn luận. |
| Thân bài | 1. Giải thích từ ngữ, ý kiến cần bàn luận2. Bàn luận:Trình bày vấn đề cần bàn luận.Trình bày ý kiến đồng tình hay phản đối về vấn đề cần bàn luận.Đưa ra lí lẽ và bằng chứng để làm sáng tỏ luận điểm. |
| Kết bài | Khẳng định lại vấn đề.Đề xuất giải pháp hoặc nêu bài học. |

**Bước 3: Viết bài**- Viết bài văn dựa trên dàn ý. Khi viết, cần đảm bảo các yêu cầu đối với kiểu bài.**Bước 4: Xem lại và chỉnh sửa, rút kinh nghiệm**- Dùng bảng kiểm bên dưới để kiểm tra chất lượng bài viết |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** Củng cố kiến thức đã học về kĩ năng viết bài văn nghị luận về một vấn đề đời sống

**b. Nội dung:** HS thực hành viết bài

**c. Sản phẩm học tập:** Bài văn của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**

- GV yêu cầu HS hoàn thành bài làm

**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

- HS lắng nghe, thực hiện theo yêu cầu GV giao.

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

- GV yêu cầu HS hoàn thiện bài viết và chuẩn bị nộp.

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**

- GV nhận xét, chỉnh sửa, góp ý cho HS.

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để chỉnh sửa, rút kinh nghiệm.

**b. Nội dung:** Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi.

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**

- GV yêu cầu HS dùng bảng kiểm để tự kiểm tra, điều chỉnh bài viết của bản thân.

**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

- HS thảo luận, trình bày những gì đã học được từ quá trình viết của bản thân và những gì học hỏi được từ bạn.

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

- GV mời 2 HS lên kiểm phiếu để nêu bài thơ được bình chọn là bài thơ hay nhất của lớp.

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**

- GV nhận xét, chỉnh sửa, góp ý cho HS.

**IV. Hướng dẫn tự học**

**1. Bài vừa học:** + Ôn tập, nắm được các bước viết bài văn nghị luận về một vấn đề đời sống

**2. Bài sắp học:** Nói và nghe: ***Trình bày ý kiến về 1 vấn đề đời sống***

- Các thao tác cần thực hiện khi nghe như thế nào?

- Đánh giá trình bày nói nghe dựa vào bảng kiểm.

**IV. HỒ SƠ DẠY HỌC**

Bảng kiểm kĩ năng viết bài văn thuyết minh giải thích một hiện tượng tự nhiên

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
|  | **Tiêu chí** | **Đạt** | **Chưa đạt** |
| Phần mở đầu | Nêu vấn đề cần bàn luận |  |  |
| Nêu ý kiến đồng tình hay phản đối. |  |  |
| Phần thân bài | Giải thích được từ ngữ quan trọng và ý nghĩa của ý kiến cần bàn luận. |  |  |
| Trình bày vấ đề cần bàn luận. |  |  |
| Trình bày ý kiến đồng tình hay phản đối về vấn đề cần bàn luận. |  |  |
| Nêu được ít nhất hai lí lẽ một cách thuyết phục để làm rõ luận điểm. |  |  |
| Nêu được bằng chứng đa dạng, cụ thể, phù hợp với luận điểm. |  |  |
| Sắp xếp các lí lẽ, bằng chứng theo một trình tự hợp lí |  |  |
| Phần kết bài | Khẳng định lại vấn đề. |  |  |
| Đề xuất giải pháp hoặc nêu bài học rút ra từ vấn để bàn luận. |  |  |
| Trình bày, diễn đạt | Không mắc lỗi chính tả, dùng từ, đặt câu. |  |  |
| Diễn đạt chặt chẽ, thuyết phục. |  |  |

----------------------------------------------------------------------------------------------------**Ngày dạy:18,21 /11/2024**

**TIẾT 41,42 NÓI VÀ NGHE:**

 **TRÌNH BÀY Ý KIẾN VỀ MỘT VẤN ĐỀ XÃ HỘI**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Mức độ/ yêu cầu cần đạt:**

- HS tóm tắt được nội dung và đưa được ý kiến về một vấn đề xã hội.

**2. Năng lực**

**a. Năng lực chung**

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

**b. Năng lực riêng biệt:**

- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân*.*

- Năng lực tóm tắt ý chính do người khác trình bày

**3. Phẩm chất:**

- Ý thức tự giác, tích cực trong học tập.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của GV**

- KHBD, SGK, máy tính;

- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi;

- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp;

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà.

- Video nói về tư duy phản biện.

**2. Chuẩn bị của HS:** SGK, SBT Ngữ văn 8, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. KHỞI ĐỘNG**

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học

**b. Nội dung:** HS huy động tri thức đã có để thực hiện hoạt động khởi động.

**c. Sản phẩm:** Nhận thức và thái độ học tập của HS về bài học

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**

- GV đặt câu hỏi gợi mở: *“Theo em, khi trình bày một vấn đề nào đó trước đám đông, chúng ta cần có tác phong như thế nào?*

**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

- HS suy nghĩ để trả lời câu hỏi, yêu cầu của GV.

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

- GV mời 3 – 4 HS nêu ý kiến

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**

- GV nhận xét, đánh giá hoạt động khởi động của HS.

- GV dẫn vào bài học

**B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Hoạt động 1:  Chuẩn bị trước khi nghe**

**a. Mục tiêu:** Xác định được các thao tác cần thực hiện khi nghe

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi của GV.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**- GV nêu rõ yêu cầu: HS xác định nội dung nghe.- GV hướng dẫn HS chuẩn bị nội dung nghe và trình bày.- HS thực hiện nhiệm vụ**Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**- HS nghe và đặt câu hỏi liên quan đến bài học.- Các nhóm luyện nói**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**- HS trình bày sản phẩm thảo luận- GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**- GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức → Ghi lên bảng. | **Bước 1: Xác định đề tài, người nghe, thời gian và không gian nói**Để thuyết phục người nghe về ý kiến, quan điểm của mình, cần trả lời các câu hỏi:- Người nghe là ai? Họ mong muốn thu nhận được gì từ bài nói?- Buổi tọa đàm diễn ra ở đâu? Có bao nhiêu thời gian để trình bày, trao đổi?- Chọn cách trình như thế nào cho phù hợp với đối tượng, địa điểm và thời gian nói?**Bước 2: Tìm ý và lập dàn ý**Từ nội dung đã trình bày ở phần Viết, tóm tắt hệ thống ý dưới dạng sơ đồ sau:- Mở đầu: giới thiệu vấn đề sẽ trình bày, nêu rõ ý kiến đồng tình hay phản đối với vấn đề đó.- Phần chính: giải thích thuật ngữ, khái niệm liên quan đến vấn đề trình bày, khẳng định luận điểm đồng tình hay phản đối của người nói…- Kết thúc: khẳng định lại ý kiến, đề xuất giải pháp hoặc nêu bài học nhận thức và hành động.**Bước 3: Luyện tập và trình bày**Khi luyện tập và trình bày, em chú ý:- Chào người nghe, tự giới thiệu bản thân.- Lựa chọn từ ngữ phù hợp với văn nói.- Dự kiến các câu hỏi, phản hồi của người nghe và câu trả lời của em.**Bước 4: Trao đổi và đánh giá**Sử dụng bảng kiểm (SGK/75) tự đánh giá kĩ năng trình bày của bản thân và đánh giá bài trình bày. |

**Hoạt động 2: Xác định các tiêu chí đánh giá kĩ năng trình bày**

**a. Mục tiêu:** Xác định các tiêu chí đánh giá kĩ năng trình bày

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi của GV.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**- GV yêu cầu HS thảo luận theo nhóm mà GV đã chia để thống nhất các tiêu chí đánh giá **kĩ năng trình bày****Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**- HS thảo luận theo nhóm để xác định các tiêu chí đánh giá kĩ năng trình bày ý kiến về một vấn đề xã hội**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**- GV mời đại diện các nhóm trình bày kết quả hoạt động của nhóm mình, yêu cầu các nhóm khác nghe, nhận xét.**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**- GV nhận xét, đánh giá, chốt tiêu chí. | **II. Các tiêu chí đánh giá** Xem ở bảng kiểm |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học về kĩ năng trình bày một vấn đề xã hội

**b. Nội dung:** HS dựa vào kiến thức đã học và SGK để hoàn thành BT.

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS liên quan đến bài học

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**

Hoàn thành bài nói và nghe

**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

- Thực hiện hoàn thành bài nói và nghe

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

- GV mời 2 – 3 HS trình bày phần ghi chép của mình.

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**

- GV nhận xét, đánh giá, khen ngợi cả lớp.

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

**b. Nội dung:** Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi.

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**

**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

- HS nghe GV yêu cầu, sau đó thực hiện

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

- GV mời 2 – 3 HS trình bày phần ghi chép của mình.

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**

- GV nhận xét, đánh giá, khen ngợi cả lớp.

**IV. Hướng dẫn về nhà**

**1.Bài vừa học:** Nắm được thao tác khi trình bày nói và nghe.

**2.Bài sắp học:** *Ôn tập*.

- Ôn lại các kiến thứuc đã học ở chủ đề bài 3:

+ Căn cứ vào đâu để phân biệt bằng chứng khách quan với ý kiến, đánh giá chủ quan của người viết trong văn bản nghị luận?

+ Luận điểm, lí lẽ và bằng chứng có vai trò gì trong việc thể hiện luận đề?

**IV. HỒ SƠ DẠY HỌC**

Bảng kiểm kĩ năng trình bày ý kiến về một vấn đề xã hội

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Tiêu chí | Đạt | Chưa đạt |
| Bài trình bày có đủ các phần giới thiệu, nội dung, kết thúc |  |  |
| Mở đầu và kết thúc ấn tượng, thu hút |  |  |
| Nêu rõ vấn đề trình bày |  |  |
| Trình bày trực tiếp , rõ ràng ý kiến đồng tình hay phản đối với vấn đề được trình bày |  |  |
| Đưa ra được lí lẽ, bằng chứng thuyết phục |  |  |
| Kết hợp sử dụng phương tiện phi ngôn ngữ và ngôn ngữ |  |  |
| Ghi nhận và phản hồi lịch sự, thỏa đáng những câu hỏi hoặc phản bác của người nghe |  |  |
| Trình bày tự tin, nói năng lưu loát |  |  |
| Đảm bảo thời gian quy định |  |  |

------------------------------------------------------------------------------------------------------

**Ngày dạy: 23/11/2024**

**TIẾT 43: ÔN TẬP**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Mức độ/ yêu cầu cần đạt:**

- Kiến thức về luận đề, luận điểm, lí lẽ và bằng chứng trong văn bản nghị luận

**2. Năng lực**

**a. Năng lực chung**

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

**b. Năng lực riêng biệt:**

- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân*.*

**3. Phẩm chất:**

- Ý thức tự giác, tích cực trong học tập.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của GV**

- KHBD, SGK, máy tính.

- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi;

- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp;

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà.

**2. Chuẩn bị của HS:** SGK, SBT Ngữ văn 8, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. KHỞI ĐỘNG**

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung ***Bài 3: Sự sống thiêng liêng***

**b. Nội dung:** HS huy động tri thức đã có để thực hiện hoạt động khởi động.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**

- GV đặt câu hỏi: ***Sau khi học xong chủ đề 3, em đã được cung cấp thêm kiến thức liên quan đến nội dung gì?***

**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

- GV mời 1 – 2 HS trình bày kết quả trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe và nhận xét.

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**

- GV nhận xét, đánh giá

- GV dẫn vào bài Ôn tập

**B. HOẠT ĐỘNG ÔN TẬP**

**a. Mục tiêu:** Ghi nhớ và vận dụng những kiến thức đã học trong ***bài 3***

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV): HĐ nhóm**Hoàn thành các câu hỏi ôn tập- HS nhận nhiệm vụ.**B2: Thực hiện nhiệm vụ:**HS trao đổi thảo luận hoàn thiện bảng mẫu.**B3: Báo cáo, thảo luận:**Đại diện nhóm trình bày;Các nhóm theo dõi, nhận xét, bổ sung(Phần thuyết trình có thể thuyết trình kết hợp với các slile hoặc sapo)**B4: Kết luận, nhận định (GV):** - Đánh giá, nhận xét (hoạt động nhóm của HS và sản phẩm), | Xem ở mục lục |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP – VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức về ***Bài 3: Sự sống thiêng liêng***

**b. Nội dung:** GV cho HS tự nhắc lại về những kiến thức đã học được.

**c. Sản phẩm học tập:** Những kiến thức HS đã học được trong ***Bài 3*** và câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**

- GV yêu cầu HS thảo luận theo cặp, nhắc lại những kiến thức đã học được ở ***Bài 3***

**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

- HS thảo luận theo cặp, nhắc lại những kiến thức đã học được ở ***Bài 3***

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

- GV mời 2 – 3 HS trình bày trước lớp.

**Đáp án bài tập**

**Câu 1 (trang 76 sgk Ngữ văn lớp 8 Tập 1):**Tóm tắt luận đề, luận điểm, lí lẽ, bằng chứng của ba văn bản nghị luận đã học bằng cách hoàn thành bảng sau (làm vào vở):

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Văn bản** | **Luận đề** | **Luận điểm** | **Lí lẽ và bằng chứng** |
| Bức thư của thủ lĩnh da đỏ |  |  |  |
| Thiên nhiên và hồn người lúc sang thu |  |  |  |
| Lối sống đơn giản – xu thế của thế kỉ XXI |  |  |  |

**Trả lời:**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Văn bản** | **Luận đề** | **Luận điểm** | **Lí lẽ và bằng chứng** |
| Bức thư của thủ lĩnh da đỏ | Sống hòa hợp và bảo vệ mảnh đất nơi đây | - Luận điểm 1: Những điều thiêng liêng trong kí ức của người da đỏ- Luận điểm 2: Những lo lắng của người da đỏ nếu bán đất cho người da trắng.- Luận điểm 3: Kiến nghị của người da đỏ | Luận điểm 1:+ Mảnh đất là người mẹ, bông hoa là người chị, người em.+ Dòng nước là máu của tổ tiên.+ Tiếng thì thầm của dòng nước là tiếng nói của cha ông.Luận điểm 2:+ Họ sẽ lấy đi trong lòng đất những gì họ cần.+ Lòng thèm khát của họ sẽ ngấu nghiến đất đai.+ Họ chẳng để ý đến bầu không khí mà họ hít thở.Luận điểm 3:+ Phải biết quý trọng đất đai.+ Hãy khuyên bảo chúng đất là mẹ. |
| Thiên nhiên và hồn người lúc sang thu | Cảm nhận về thiên nhiên và hồn người lúc sang thu | - Cảm nhận của tác trong khổ thơ thứ nhất và thứ 2: Bức tranh thiên nhiên mùa thu được miêu tả bằng khứu giác, thị giác, xúc giác.- Cảm nhận của tác giả về suy nghĩ, chiêm nghiệm của nhà thơ qua khổ thơ thứ 3. | + Không phải là những nét đặc trưng của trời mây hay sắc vàng của hoa cúc mà bắt đầu là hương ổi – một chữ “phả” đủ gợi hương thơm sánh lại.+ Cảm nhận được “hương ổi”, đã nhận ra “gió se”, mắt lại nhìn thấy sương đang “chùng chình qua ngõ”.+ Thiên nhiên được quan sát rộng lớn hơn, nhiều tầng bậc hơn “sông dềnh dàng” và “chim vội vã”.+ Cảm nhận, suy ngẫm về tâm trạng của tác giả khi nhìn cảnh vật trong những ngày đầu thu qua hình ảnh nắng, mưa, sấm.+ Cảm nhận và trả lời cho những chiêm nghiệm và sự từng trải của tác giả qua hình ảnh “Hàng cây đứng tuổi”: hình ảnh gợi cho người đọc nhiều liên tưởng như một đời người trưởng thành rồi già cỗi đi. |
| Lối sống đơn giản – xu thế của thế kỉ XXI | Sống đơn giản | - Sống đơn giản là gì?- Lợi ích của việc sống đơn giản | + Sống đơn giản không đồng nghĩa với sống khổ hạnh và nghèo đói, mà là cuộc sống được lựa chọn sau quá trình nghiên cứu kĩ lưỡng.- Giúp chúng ta kiềm chế lòng tham, cân nhắc kĩ lưỡng các yêu cầu của bản thân.+ Một căn nhà rộng rãi sẽ đem lại sự dễ chịu cho người ở….- Biến mình trở thành một con người nhàn nhã, bình yên và không hao phí thời gian vào những việc vô bổ.+ Lối sống này được ông cha ta coi trọng từ thời xa xưa. |

**Câu 2 (trang 76 sgk Ngữ văn lớp 8 Tập 1):**Căn cứ vào đâu để phân biệt bằng chứng khách quan với ý kiến, đánh giá chủ quan của người viết trong văn bản nghị luận?

**Trả lời:**

- Có thể phân biệt hai khái niệm này dựa vào bảng sau:

|  |  |
| --- | --- |
| **Bằng chứng khách quan** | **Ý kiến, đánh giá chủ quan của người viết** |
| Là các thông tin khách quan như: số liệu, thời gian, nơi chốn, con người và sự kiện… | Là các ý kiến chủ quan như: quan điểm cá nhân về một vấn đề đang tranh cãi, dự đoán về tương lai, đánh giá chủ quan về sự việc, hiện tượng; có thể có được diễn đạt bằng các cụm từ như: tôi cho rằng, tôi thấy… hoặc các tính từ thể hiện sự đánh giá chủ quan. |
| Dựa trên những thí nghiệm, nghiên cứu, có nguồn đáng tin cậy, có thể xác định đúng, sai dựa vào thực tế. | Dựa trên cảm nhận, cách nhìn, diễn giải của cá nhân; không có cơ sở để kiểm chứng. |

**Câu 3 (trang 76 sgk Ngữ văn lớp 8 Tập 1):**Luận điểm, lí lẽ và bằng chứng có vai trò gì trong việc thể hiện luận đề?

**Trả lời:**

Luận điểm, lí lẽ và bằng chứng giúp làm sáng rõ luận đề. Mỗi lí lẽ, dẫn chứng giúp cho luận để trở nên dễ hiểu, dễ hình dung và thuyết phục người đọc, người nghe hơn.

**Câu 4 (trang 76 sgk Ngữ văn lớp 8 Tập 1):**Liệt kê ít nhất mười từ có chứa các yếu tố Hán Việt đã học trong bài và giải thích ý nghĩa của chúng.

**Trả lời:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Từ có các yếu tố Hán Việt** | **Giải thích ý nghĩa** |
| dân gian | ở trong dân |
| trí tuệ | sự hiểu biết và kiến thức sâu rộng |
| sứ giả | người được coi là đại diện tiêu biểu cho nhân dân |
| bình dân | con người bình thường |
| bất công | không công bằng |
| hoàn mĩ | đẹp đẽ hoàn toàn |
| triết lí | nguyên lí, đạo lí về vũ trụ và nhân sinh |
| bất hạnh | không may gặp phải điều rủi ro, đau khổ |
| nguy kịch | hết sức nguy hiểm, đe dọa nghiêm trọng đến sự sống còn |
| hạnh phúc | một trạng thái cảm xúc vui vẻ của người |

**Câu 5 (trang 76 sgk Ngữ văn lớp 8 Tập 1):**Trình bày những kĩ năng viết để tăng sức thuyết phục cho bài văn nghị luận về một vấn đề của đời sống.

**Trả lời:**

Những kĩ năng viết để tăng sức thuyết phục cho bài văn nghị luận về một vấn đề của đời sống là:

- Hiểu rõ những gì mình viết

- Quản lí được nội dung và bố cục bài viết.

- Bám sát luận đề

- Lập luận cần đưa ra đủ lí lẽ, bằng chứng thuyết phục

- …

**Câu 6 (trang 76 sgk Ngữ văn lớp 8 Tập 1):**Ghi lại những kinh nghiệm em thu nhận được sau khi thực hiện bài thuyết trình cho buổi tọa đàm “Con người và thiên nhiên”.

**Trả lời:**

Những kinh nghiệm em thu nhận dược sau khi thực hiện bài thuyết trình cho buổi tọa đàm “Con người và thiên nhiên”.

- Luôn tự tin, trình bày quan điểm cá nhân.

- Lắng nghe, tiếp thu ý kiến từ mọi người xung quanh.

- Yêu thiên nhiên con người, sống hòa hợp với thiên và con người.

- …

**Câu 7 (trang 76 sgk Ngữ văn lớp 8 Tập 1):**Em hãy thiết kế một sản phẩm sáng tạo mang thông điệp: “Mọi sự sống đều thiêng liêng, đáng quý”.

**Trả lời:**

Em có thể vẽ tranh, vẽ khẩu hiệu, sưu tầm ảnh,…

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**

- GV nhận xét, chốt nội dung bài học

**IV. Hướng dẫn tự học:**

**1.Bài vừa học**: Ôn tập lại nội dung *Bài 3: Sự sống thiêng liêng*

**2. Bài sắp học:** ***Soạn bài 4: Sắc thái của tiếng cười***

**- Phần tri thức Ngữ Văn:**

+ Truyện cười là gì?

+ Cốt truyện thường xoay quanh vấn đề gì?

+ Nhân vật trong truyện cười được chia thành mấy loại?

+ Nhận xét về ngôn ngữ được sử dụng trong truyện cười

**- VĂN BẢN 1, 2: VẮT CỔ CHÀY RA NƯỚC, MAY KHÔNG ĐI GIÀY**

+ Đọc văn bản và thể loại, nhân vật.

+ Đặc điểm truyện cười thể hiện qua hai văn bản: đề tài, bối cảnh.

+ Cách nhìn cuộc sống con người của tác giả?